

1. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 608/QĐ-ĐVTDT ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành đào tạo:** Giáo dục Mầm non (Early Childhood Education)
2. **Mã ngành:** 7140201
3. **Chứng nhận kiểm định:** Đã kiểm định (QĐ số 595/QĐ-KĐCLV ngày 27/2/2023)
4. **Trình độ đào tạo:** Đại học
5. **Loại hình đào tạo:** Chính quy
6. **Điều kiện tuyển sinh:**

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

- *Phạm vi tuyển sinh:* cả nước

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo; Đề án tuyển sinh của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp (đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp).

8. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Giáo dục Mầm non

9. Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu tổng quát:

Đào tạo cử nhân Giáo dục Mầm non có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội nhân văn và khoa học giáo dục; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai,

đánh giá và phát triển chương trình giáo dục mầm non; có năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong bối cảnh hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể:

- PO1: *Áp dụng* được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội nhân văn, khoa học giáo dục và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

- PO2: *Thể hiện* được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp trong các hoạt động giáo dục mầm non.

- PO3: *Hình thành* được năng lực xây dựng ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá và phát triển chương trình ngành giáo dục mầm non đáp ứng nhu cầu xã hội.

- PO4: *Hình thành* được năng lực sáng tạo, nghiên cứu khoa học; mức độ tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp.

III. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

1. Kiến thức

- PLO1.1: *Áp dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn, chính trị và pháp luật trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và thực tiễn giáo dục ở các trường và cơ sở giáo dục mầm non.

- PLO1.2: *Áp dụng* được hệ thống tri thức về đặc điểm tâm lý, sinh lý; về chăm sóc sức khỏe; về khoa học giáo dục mầm non để lập luận, phân tích và tổ chức quá trình chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non.

- PLO1.3: *Áp dụng* được kiến thức ngành vào việc lựa chọn, phát triển, ứng dụng, tích hợp trong việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và cách đánh giá các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non.

2. Kỹ năng

- PLO2.1: *Thể hiện* đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và có kỹ năng giao tiếp ứng xử, tác phong sư phạm mẫu mực trong các nhiệm vụ chuyên môn.

- PLO2.2: *Kỹ năng tổ chức thực hiện* hiệu quả các nhiệm vụ chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non (phát triển thể chất, ngôn ngữ; kiến thức sơ đẳng về toán; hoạt động tạo hình, hoạt động âm nhạc và văn học, hoạt động vui chơi; khám phá môi trường xung quanh...) với quan điểm tích hợp theo chủ đề và vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục, sử dụng đồ dùng dạy học... nhằm phát triển toàn diện, tạo hứng thú, tính tích cực của trẻ một cách khoa học; giải quyết tốt các tình huống trong quá trình chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non.

- PLO2.3: *Vận dụng tốt* các kỹ thuật về công nghệ thông tin, truyền thông và ngoại ngữ theo nhu cầu dạy học bậc mầm non nhằm thiết kế được kế hoạch chuyên môn, cải tiến các hình thức, giáo án lên lớp theo nhu cầu hiện đại hoá giáo dục ở trường mầm non.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học

- PLO3.1: *Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm* theo yêu cầu của nhiệm vụ chăm sóc - giáo dục trẻ và theo nhu cầu đổi mới giáo dục mầm non, tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm và đối với sản phẩm do mình tạo ra.

- PLO3.2: *Khả năng tổ chức, hướng dẫn, giám sát và tương tác* trong hoạt động nhóm của tổ chuyên môn và hoạt động nhóm của trẻ em.

- PLO3.3: *Khả năng tự định hướng, thích nghi* với các môi trường, hoàn cảnh làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, khả năng đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động giáo dục ở trường mầm non trong phạm vi hoạt động chuyên môn của mình.

4. Năng lực

- PLO4.1: *Năng lực phân biệt* kiến thức và phương pháp giáo dục; hình thành các giải pháp thay thế trong điều kiện đổi mới nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng, phát triển chương trình giáo dục ở trường mầm non.

- PLO4.2: *Năng lực nghiên cứu, quan sát*, tìm hiểu và đánh giá mức độ phát triển của trẻ em; khám phá, phát hiện tâm lý, bệnh lý, nhu cầu vật chất và tinh thần của trẻ em và phụ huynh để điều tiết, thích nghi và sáng tạo trong tình huống, hoàn cảnh giáo dục mới.

- PLO4.3: *Năng lực đánh giá* được hiệu quả công việc của bản thân, đồng nghiệp và điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ; truyền đạt vấn đề và giải pháp tới đồng nghiệp; phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ giáo dục cụ thể hoặc phức tạp.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Làm giáo viên và cán bộ quản lý trong các trường và cơ sở giáo dục mầm non;
- Làm giáo viên tại các cơ sở đào tạo giáo viên mầm non;
- Làm tư vấn viên, nghiên cứu viên về chuyên môn, nghiệp vụ giáo dục mầm non;
- Làm chuyên viên tại Viện nghiên cứu, Trung tâm nghiên cứu về giáo dục mầm non; tại các Vụ, Phòng và Sở Giáo dục và đào tạo.

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, đảm bảo kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ để tham gia học các chương trình sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) chuyên ngành, chuyên ngành gần như: Giáo dục học, Lý luận và lịch sử giáo dục, Quản lý giáo dục, Giáo dục đặc biệt, Tâm lý học.

- Học một ngành sư phạm khác;
- Có thể tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực giáo dục nói chung và giáo dục mầm non nói riêng.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CDR của chương trình đào tạo Đại học ngành giáo dục mầm non, gồm:

1. Chương trình đào tạo

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành GDMN Trường Đại học Hồng Đức;
- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành GDMN Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;
- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành GDMN Trường Đại học Vinh.

2. Tài liệu tham khảo

- *Công văn số 2196/BGDĐT- GDDH* ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT* ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

- *Quyết định số 1982/QĐ-TTg* ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14* ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- *Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTD* ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa./.

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH SƯ PHẠM ÂM NHẠC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 608 /QĐ-ĐVTDT ngày 05 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành đào tạo:** Sư phạm Âm nhạc (Music Education)

2. **Mã ngành:** 7140221

3. **Chứng nhận kiểm định:** Đã kiểm định (QĐ số 597/QĐ-KĐCLV ngày 27/2/2023)

4. **Trình độ đào tạo:** Đại học

5. **Loại hình đào tạo:** Chính quy

6. **Điều kiện tuyển sinh:**

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

- *Phạm vi tuyển sinh:* cả nước

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo; Đề án tuyển sinh của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. **Điều kiện tốt nghiệp:**

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp (đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp).

8. **Văn bằng tốt nghiệp:** Cử nhân Sư phạm Âm nhạc

9. **Đơn vị cấp bằng:** Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Mục tiêu tổng quát:**

Đào tạo cử nhân Sư phạm Âm nhạc có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội nhân văn và khoa học giáo dục; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá và phát triển chương trình giáo dục âm nhạc; sáng tạo, nghiên cứu khoa học,

có năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong bối cảnh hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể:

- PO1: *Áp dụng* được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội nhân văn, khoa học giáo dục và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực dạy học âm nhạc.

- PO2: *Thể hiện* được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp trong các hoạt động dạy học âm nhạc.

- PO3: *Hình thành* được năng lực xây dựng ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá và phát triển chương trình đào tạo sư phạm âm nhạc đáp ứng nhu cầu xã hội.

- PO4: *Hình thành* được năng lực sáng tạo, nghiên cứu khoa học; mức độ tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp.

III. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

1. Kiến thức

- PLO1.1. *Áp dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn, chính trị và pháp luật trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và thực tiễn dạy học âm nhạc.

- PLO1.2. *Áp dụng* được hệ thống tri thức về khoa học giáo dục để lập luận, phân tích và tổ chức quá trình dạy học nhằm thực hiện mục tiêu dạy học âm nhạc.

- PLO1.3. *Áp dụng* kiến thức ngành vào việc lựa chọn, phát triển, ứng dụng, tích hợp trong việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và cách đánh giá các hoạt động dạy học âm nhạc.

2. Kỹ năng

- PLO2.1. *Thể hiện* đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và có kỹ năng giao tiếp ứng xử, tác phong sư phạm mẫu mực trong các nhiệm vụ chuyên môn.

- PLO2.2. *Kỹ năng tổ chức thực hiện* hiệu quả các nhiệm vụ giảng dạy âm nhạc theo các nội dung giáo dục cốt lõi ở bậc tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông; kỹ năng sử dụng nhạc cụ, kỹ năng thanh nhạc, kỹ năng hoạt động ngoại khóa và kỹ năng công tác xã hội...

- PLO2.3. *Vận dụng tốt* các kỹ thuật về công nghệ thông tin, truyền thông và ngoại ngữ theo nhu cầu dạy học âm nhạc nhằm thiết kế được kế hoạch chuyên môn, cải tiến các hình thức giáo án lên lớp theo nhu cầu hiện đại hoá giáo dục ở trường phổ thông.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học

- PLO3.1. *Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm* theo yêu cầu của nhiệm vụ giảng dạy và theo nhu cầu đổi mới giáo dục âm nhạc, tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm và đối với sản phẩm do mình tạo ra.

- PLO3.2. *Khả năng tổ chức, hướng dẫn, giám sát và tương tác* trong hoạt động nhóm của tổ chuyên môn và hoạt động nhóm của học sinh. Có ý thức trách nhiệm và tự chủ với công việc được giao.

- PLO3.3. *Khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý* các nguồn lực về cơ sở vật chất, con người, khả năng đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động giáo dục âm nhạc trong phạm vi hoạt động chuyên môn của mình. Tự chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả công việc theo kế hoạch đã lập ra.

4. Năng lực

- PLO4.1. *Năng lực phản biện* tri thức và phương pháp giáo dục cũ, lạc hậu; hình thành các giải pháp thay thế trong điều kiện đổi mới, cải tiến, nâng cao chất lượng, phát triển chương trình giáo dục âm nhạc.

- PLO4.2. *Năng lực nghiên cứu, quan sát, tìm hiểu và đánh giá* quá trình học tập của người học để điều tiết, thích nghi và sáng tạo trong tình huống, hoàn cảnh giáo dục mới.

- PLO4.3. *Năng lực đánh giá* được hiệu quả công việc của bản thân, đồng nghiệp và điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với người học; truyền đạt vấn đề và giải pháp tới đồng nghiệp tại nơi làm việc; phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ giáo dục cụ thể hoặc phức tạp.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Làm giáo viên âm nhạc ở các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng chuyên nghiệp hoặc các nhà văn hóa;

- Làm tổng phụ trách Đội ở các trường tiểu học, trung học cơ sở;

- Làm cán bộ phong trào ở các cơ quan văn hóa, chính trị, xã hội...

- Làm chuyên viên văn hóa văn nghệ ở các phòng giáo dục và đào tạo; sở giáo dục và đào tạo; phòng văn hóa, trung tâm văn hóa – thông tin, thể thao và du lịch...

- Làm công tác nghiên cứu tại các cơ quan nghiên cứu khoa học về lĩnh vực âm nhạc; các biên tập viên âm nhạc của đài Phát thanh- Truyền hình...

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.

- Tự học để nâng cao trình độ và tham dự các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về sự phạm âm nhạc.

- Tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CDR của chương trình đào tạo Đại học ngành Sư phạm Âm nhạc, gồm:

1. Chương trình đào tạo

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành SPAN Trường Đại học Sư phạm nghệ thuật TW.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành SPAN Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành SPAN Trường Đại học Sài Gòn.

2. Tài liệu tham khảo

- *Công văn số 2196/BGDĐT- GDDH* ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT* ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

- *Quyết định số 1982/QĐ-TTg* ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14* ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- *Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTD* ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa./.

su

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH SƯ PHẠM MỸ THUẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 608 /QĐ-ĐVTDT ngày 05 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Ngành đào tạo: Sư phạm mỹ thuật (Fine Art Education)

2. Mã ngành: 52140222

3. Chứng nhận kiểm định: Đã kiểm định (QĐ số 598/QĐ-KĐCLV ngày 27/2/2023)

4. Trình độ đào tạo: Đại học

5. Loại hình đào tạo: Chính quy

6. Điều kiện tuyển sinh:

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

- *Phạm vi tuyển sinh:* cả nước

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo; Đề án tuyển sinh của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp (đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp).

8. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Sư phạm Mỹ thuật

9. Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu tổng quát:

Đào tạo cử nhân Sư phạm Mỹ thuật có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội nhân văn và khoa học giáo dục; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá và phát triển chương trình giáo dục mỹ thuật; năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong bối cảnh hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể:

- PO1: *Áp dụng* được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội nhân văn, khoa học giáo dục và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực dạy học mỹ thuật.
- PO2: *Thể hiện* được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp trong các hoạt động dạy học mỹ thuật.
- PO3: *Hình thành* được năng lực xây dựng ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá và phát triển chương trình Sư phạm mỹ thuật đáp ứng nhu cầu của xã hội.
- PO4: *Hình thành* được năng lực sáng tạo, nghiên cứu khoa học; mức độ tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp.

III. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

1. Kiến thức

- PLO1.1. *Áp dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn, chính trị và pháp luật trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và thực tiễn dạy học mỹ thuật.
- PLO1.2. *Áp dụng* được hệ thống tri thức về khoa học giáo dục để lập luận, phân tích và tổ chức quá trình dạy học nhằm thực hiện mục tiêu dạy học mỹ thuật.
- PLO1.3. *Áp dụng* kiến thức ngành vào việc lựa chọn, phát triển, ứng dụng, tích hợp trong việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và cách đánh giá các hoạt động dạy học mỹ thuật.

2. Kỹ năng

- PLO2.1. *Thể hiện* đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và có kỹ năng giao tiếp ứng xử, tác phong sư phạm mẫu mực trong các nhiệm vụ chuyên môn.
- PLO2.2. *Kỹ năng giảng dạy Mỹ thuật* theo các phân môn ở bậc tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông; kỹ năng tổ chức và giảng dạy Mỹ thuật, kỹ năng hoạt động ngoại khóa và kỹ năng công tác xã hội giáo dục.
- PLO2.3. *Vận dụng tốt* các kỹ thuật về công nghệ thông tin, truyền thông và ngoại ngữ theo nhu cầu dạy học ở bậc học nhằm thiết kế được kế hoạch chuyên môn, cải tiến các hình thức giáo án lên lớp theo nhu cầu hiện đại hoá giáo dục ở trường học.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học

- PLO3.1. *Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm* theo yêu cầu của nhiệm vụ dạy học sư phạm mỹ thuật và theo nhu cầu đổi mới giáo dục sư phạm mỹ thuật, tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm và đối với sản phẩm do mình tạo ra.
- PLO3.2. *Khả năng tổ chức, hướng dẫn, giám sát và tương tác* trong hoạt động nhóm của tổ chuyên môn và hoạt động nhóm của học sinh.
- PLO3.3. *Khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý* các nguồn lực về cơ sở vật chất, con người, khả năng đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động giáo dục ở trường học trong phạm vi hoạt động chuyên môn của mình.

4. Năng lực

- PLO4.1. *Năng lực phản biện* tri thức và phương pháp giáo dục cũ, lạc hậu; hình thành các giải pháp thay thế trong điều kiện đổi mới, cải tiến, nâng cao chất lượng, phát triển chương trình giáo dục ở các bậc học, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.
- PLO4.2. *Năng lực nghiên cứu, quan sát, tìm hiểu* và đánh giá mức độ phát triển năng lực của học sinh; thích nghi và sáng tạo trong tình huống, hoàn cảnh giáo dục mới.
- PLO4.3. *Năng lực đánh giá* được hiệu quả công việc của bản thân, đồng nghiệp và điều chỉnh kế hoạch dạy học phù hợp với đặc điểm của học sinh; truyền đạt vấn đề và giải pháp tới đồng nghiệp tại nơi làm việc; phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ giáo dục cụ thể hoặc phức tạp.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Làm giáo viên mỹ thuật ở các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông; dạy sư phạm mỹ thuật ở các trường chuyên nghiệp;
- Làm cán bộ ở Phòng văn hóa, phòng giáo dục huyện, thị, thành phố;
- Làm cán bộ ở Trung tâm văn hóa tỉnh, thành phố, huyện, thị xã.
- Làm cán bộ ở Trung tâm đào tạo năng khiếu mỹ thuật
- Làm giảng viên tại các cơ sở đào tạo giáo viên Mỹ thuật;
- Làm chuyên viên tại Viện nghiên cứu, Trung tâm nghiên cứu mỹ thuật, trung tâm văn hóa tỉnh, thành phố, huyện thị.

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.
- Tự học để nâng cao trình độ và tham dự các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về sư phạm mỹ thuật.
- Tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ về chuyên ngành: Hội họa, đồ họa, Lý luận và lịch sử mỹ thuật.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CDR của chương trình đào tạo Đại học ngành Sư phạm Mỹ thuật, gồm:

1. Chương trình đào tạo

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Sư phạm Mỹ thuật Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung Ương.
- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Sư phạm Mỹ thuật Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Sư phạm Mỹ thuật Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam.
- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Sư phạm Mỹ thuật Trường Đại học Sài Gòn.

2. Tài liệu tham khảo

- *Công văn số 2196/BGDĐT- GDDH* ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.
- *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT* ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.
- *Quyết định số 1982/QĐ-TTg* ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.
- *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14* ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- *Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTD* ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa./.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH THANH NHẠC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 608/QĐ-ĐVTDT ngày 05 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành đào tạo:** Thanh nhạc (Vocal Music)

2. **Mã ngành:** 7210205

3. **Chứng nhận kiểm định:** Chưa kiểm định chất lượng

4. **Trình độ đào tạo:** Đại học

5. **Loại hình đào tạo:** Chính quy

6. **Điều kiện tuyển sinh:**

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

- *Phạm vi tuyển sinh:* cả nước

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo; Đề án tuyển sinh của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. **Điều kiện tốt nghiệp:**

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp (đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp).

8. **Văn bằng tốt nghiệp:** Cử nhân Thanh nhạc

9. **Đơn vị cấp bằng:** Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Mục tiêu tổng quát:**

Đào tạo cử nhân Thanh nhạc có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội nhân văn; kiến thức về lĩnh vực về Âm nhạc nói chung và biểu diễn Thanh nhạc nói riêng; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, tham gia tổ chức và biểu diễn các chương trình Âm nhạc; Sáng tạo, nghiên cứu khoa học, có năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển Âm nhạc trong bối cảnh hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể:

- PO1: *Áp dụng* được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội nhân văn, kiến thức về lĩnh vực về Âm nhạc, biểu diễn Thanh nhạc để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Âm nhạc

- PO2: *Thể hiện* được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp trong các hoạt động Âm nhạc, biểu diễn Thanh nhạc

- PO3: *Hình thành* được năng lực xây dựng ý tưởng, thiết kế, triển khai, tham gia tổ chức và biểu diễn các chương trình Âm nhạc đáp ứng nhu cầu xã hội.

- PO4: *Hình thành* được năng lực sáng tạo, nghiên cứu khoa học; mức độ tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp.

III. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

1. Kiến thức

- PLO1.1: *Áp dụng* được hệ thống kiến thức cơ bản về Âm nhạc làm nền tảng cho việc học tập, nghiên cứu kiến thức chuyên sâu phục vụ cho việc biểu diễn và hoạt động Âm nhạc. Qua đó sinh viên có những kiến thức tốt nhất để phục vụ cho việc học chuyên ngành của mình.

- PLO1.2: *Áp dụng* được các kiến thức Thanh nhạc cơ bản, toàn diện để trở thành một ca sĩ, nghệ sĩ chuyên nghiệp, có năng lực giảng dạy chuyên ngành Thanh nhạc, có năng lực tổ chức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật trên cơ sở phát huy sáng tạo trong biểu diễn nghệ thuật, nghiên cứu khoa học và tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực Âm nhạc.

- PLO1.3: *Có khả năng* áp dụng khối kiến thức về khoa học xã hội nhân văn và kiến thức về lĩnh vực Âm nhạc để tổ chức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật. Xây dựng phong cách của nghệ sĩ biểu diễn chuẩn mực, có năng lực tuyên truyền, đưa Âm nhạc vào đời sống xã hội, góp phần vào sự nghiệp phát triển Văn hóa Nghệ thuật theo đường lối của Đảng và Nhà nước.

2. Kỹ năng

- PLO2.1: *Thể hiện* đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và có kỹ năng giao tiếp ứng xử, tác phong chuẩn mực trong các hoạt động chuyên môn.

- PLO2.2: *Kỹ năng thực hiện thành thạo* các kỹ thuật Thanh nhạc vào các tác phẩm thanh nhạc: Aria, Romance, Vocalise, các ca khúc nghệ thuật, dân ca... Có thể tự lựa chọn, sử dụng các tác phẩm Thanh nhạc phù hợp với chất giọng và khả năng ca hát của mình để thực hiện tốt chương trình biểu diễn Báo cáo tốt nghiệp.

- PLO2.3: *Vận dụng* một số phương pháp công nghệ, hiện đại, phù hợp để thực hiện và vận dụng sáng tạo trong các hoạt động Âm nhạc, biểu diễn Thanh nhạc.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học

- PLO3.1: *Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm* theo yêu cầu của nhiệm vụ của các hoạt động biểu diễn Âm nhạc, tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm và đối với sản phẩm do mình tạo ra.

- PLO3.2: *Khả năng tổ chức, hướng dẫn, giám sát và tương tác* trong hoạt động nhóm của tổ chuyên môn và hoạt động Âm nhạc. Có ý thức trách nhiệm và tự chủ với công việc được giao.

- PLO3.3: *Khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý* các nguồn lực về cơ sở vật chất, con người, khả năng đánh giá và cải thiện hiệu quả các chương trình biểu diễn Âm nhạc. Tự chịu trách nhiệm trong chất lượng và hiệu quả của các chương trình hoạt động nghệ thuật theo kế hoạch đã lập ra.

4. Năng lực

- PLO4.1: *Năng lực biểu diễn Thanh nhạc* thuần thục, chủ động sáng tạo, xử lý tác phẩm, xử lý các tình huống sân khấu trong quá trình biểu diễn âm nhạc.

- PLO4.2: *Năng lực nghiên cứu khoa học về lĩnh vực Âm nhạc*; quan sát, tìm hiểu và đánh giá mức độ phát triển và các xu thế Âm nhạc hiện nay.

- PLO4.3: *Năng lực đánh giá* được hiệu quả công việc của bản thân, đồng nghiệp và điều chỉnh các hoạt động, xây dựng các chương trình biểu diễn phù hợp với hoạt động Âm nhạc theo yêu cầu của xã hội.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Làm nghệ sĩ, ca sĩ, diễn viên biểu diễn âm nhạc tại các Nhà hát, Đoàn ca múa nhạc chuyên nghiệp và không chuyên.

- Làm giáo viên giảng dạy Âm nhạc trong các trường phổ thông; dạy Thanh nhạc ở các cơ sở đào tạo Âm nhạc chuyên nghiệp từ Trung cấp đến Đại học.

- Làm cán bộ chuyên trách về các hoạt động văn hóa, văn nghệ tại các cơ quan, doanh nghiệp, trung tâm văn hóa xã, phường, huyện, thị, thành phố.

- Làm công tác nghiên cứu tại các cơ quan nghiên cứu khoa học về Âm nhạc; biên tập viên âm nhạc của đài Phát thanh- Truyền hình...

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.

- Tự nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ để tham gia học các chương trình sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) các lĩnh vực về chuyên ngành Thanh nhạc, Âm nhạc học, Lý luận và phương pháp giảng dạy Âm nhạc, Quản lý Văn hóa.

- Học một ngành sư phạm khác (Sư phạm Âm nhạc).

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CDR của chương trình đào tạo Đại học ngành Thanh nhạc, gồm:

1. Chương trình đào tạo

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Thanh nhạc Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Thanh nhạc Trường Đại học Nghệ thuật Trung ương.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Thanh nhạc – Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tài liệu tham khảo

- *Công văn số 2196/BGDĐT- GDDH* ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT* ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

- *Quyết định số 1982/QĐ-TTg* ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14* ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- *Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTD* ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa./.

5. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH THIẾT KẾ THỜI TRANG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 608/QĐ-ĐVTDT ngày 05 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

- 1. Ngành đào tạo:** Thiết kế thời trang
- 2. Mã ngành:** 52210404
- 3. Chứng nhận kiểm định:** chưa kiểm định chất lượng
- 4. Trình độ đào tạo:** Đại học
- 5. Loại hình đào tạo:** Chính quy
- 6. Điều kiện tuyển sinh:**

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

- *Phạm vi tuyển sinh:* cả nước

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo; Đề án tuyển sinh của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp (đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp).

8. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Thiết Kế Thời Trang

9. Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu tổng quát:

Đào tạo cử nhân Thiết kế Thời trang có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành thời trang; có khả năng phân tích, giải quyết vấn đề và đánh giá các sản phẩm mỹ thuật; có năng lực xây dựng và quản trị doanh nghiệp thiết kế thời trang; có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; có thái độ nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của ngành và xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể:

- PO1: *Áp dụng* được kiến thức nền tảng về nghệ thuật và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực mỹ thuật nói chung và lĩnh vực thời trang nói riêng.

- PO2: *Thể hiện* được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực thời trang.

- PO3: *Hình thành* được năng lực xây dựng ý tưởng, thiết kế, triển khai, thực hiện đánh giá và phát triển chương trình thiết kế thời trang đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- PO4: *Hình thành* được năng lực sáng tạo, nghiên cứu khoa học; mức độ tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp.

III. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

1. Kiến thức

- PLO1.1. *Áp dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn, chính trị và pháp luật trong giải quyết nhiệm vụ công việc thực tiễn trong môi trường làm việc sáng tạo thiết kế thời trang.

- PLO1.2. *Áp dụng* kiến thức chuyên ngành về kỹ thuật thiết kế thời trang vào sáng tạo, kỹ thuật cắt may, sản xuất trong lĩnh vực thời trang.

- PLO1.3. *Áp dụng* kiến thức chuyên môn trong sáng tác thiết kế thời trang để xây dựng khả năng tư duy, phát huy ý tưởng sáng tạo gắn với thực tiễn sản xuất sản phẩm thời trang.

2. Kỹ năng

- PLO2.1. *Thể hiện* ý tưởng sáng tác, thiết kế đa dạng sản phẩm thời trang.

- PLO2.2. *Kỹ năng* vận dụng kiến thức thời trang vào các đồ án trang trí ứng dụng trong cuộc sống, kỹ năng thi công các đồ án trang trí ứng dụng.

- PLO2.3. *Vận dụng* tốt mô hình hóa các đối tượng thực tế để phác họa, thiết kế và mô phỏng bằng các công cụ xử lý đa phương tiện vẽ tay, vẽ và thiết kế trên máy vi tính, kỹ năng sáng tác và thực hiện các sản phẩm thời trang.

- PLO2.4. *Thể hiện* đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và có kỹ năng giao tiếp ứng xử, tác phong chuẩn mực trong các nhiệm vụ chuyên môn.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học

- PLO3.1. *Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm*; có khả năng thuyết trình các vấn đề về chuyên môn được đào tạo; có kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân hiệu quả bằng các phương tiện khác nhau (trực tiếp, văn bản, phương tiện điện tử, truyền thông); Có kỹ năng kiểm soát quỹ thời gian, xây dựng kế hoạch và tổ chức công việc hiệu quả;

- PLO3.2. *Khả năng tổ chức, hướng dẫn, giám sát và tương tác* trong hoạt động nhóm của tổ chuyên môn.

- PLO3.3. *Khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý* các nguồn lực về cơ sở vật chất, con người, khả năng đánh giá, hoàn thiện và chịu trách nhiệm với các sản phẩm thiết kế do mình tạo ra.

4. Năng lực

- PLO4.1. *Năng lực phản biện* kiến thức và tư duy; hình thành các giải pháp hay cách tiếp cận triển khai thiết kế sáng tạo mới thay thế đổi mới nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng, phát triển ngành nghề.

- PLO4.2. *Năng lực nghiên cứu, quan sát, sáng tạo*, tìm tòi trong các sản phẩm thiết kế thời trang. Thích ứng với tình hình phát triển chung của xã hội, nâng cao giá trị thẩm mỹ trong tư duy, thích nghi và sáng tạo.

- PLO4.3. *Năng lực đánh giá* hiệu quả công việc của bản thân, đồng nghiệp và truyền đạt kiến thức mỹ thuật đối với khách hàng

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Làm chuyên viên thiết kế, chuyên viên tư vấn, quản lý nhãn hiệu tại các công ty thời trang và cơ sở may;

- Làm cán bộ giám sát sản xuất quy trình may mặc, quản lý chất lượng sản phẩm tại các công ty thời trang và cơ sở may;

- Làm trợ lý thiết kế, thiết kế chính cho các hãng thời trang;

- Làm cán bộ quản lý và kinh doanh thời trang;

- Làm cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và viện nghiên cứu liên quan.

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.

- Học thêm một ngành khác về lĩnh vực mỹ thuật, thời trang.

- Tự nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ để tham gia học các chương trình sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) các lĩnh vực về chuyên ngành mỹ thuật, thời trang.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CDR của chương trình đào tạo Đại học ngành Thiết kế thời trang, gồm:

1. Chương trình đào tạo

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Thiết kế thời trang Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Thiết kế thời trang Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Thiết kế thời trang Trường Đại học Công nghiệp TPHCM.

2. Tài liệu tham khảo

- *Công văn số 2196/BGDĐT- GDDH* ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT* ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

- *Quyết định số 1982/QĐ-TTg* ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14* ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- *Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTDĐT* ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa./.

6. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH ĐỒ HỌA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 608/QĐ-ĐVTDT ngày 05 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành đào tạo:** Đồ họa (Graphic)
2. **Mã ngành:** 52210104
3. **Chứng nhận kiểm định:** chưa kiểm định chất lượng
4. **Trình độ đào tạo:** Đại học
5. **Loại hình đào tạo:** Chính quy
6. **Điều kiện tuyển sinh:**

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

- *Phạm vi tuyển sinh:* cả nước

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đề án tuyển sinh của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp (đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp).

8. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Đồ họa

9. Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu tổng quát:

Đào tạo cử nhân Đồ họa có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội nhân văn và khoa học giáo dục; có khả năng phân tích, giải quyết vấn đề và đánh giá các sản phẩm mỹ thuật ứng dụng; có năng lực xây dựng và quản trị doanh nghiệp thiết kế quảng cáo;

có kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm; có thái độ nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của ngành và xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể:

- PO1: *Áp dụng* được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội nhân văn và kiến thức cơ bản ngành đồ họa để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực mỹ thuật ứng dụng.

- PO2: *Thể hiện* được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp trong các hoạt động sáng tạo mỹ thuật ứng dụng.

- PO3: *Hình thành* được năng lực xây dựng ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá và phát triển chương trình đào tạo ngành đồ họa đáp ứng nhu cầu xã hội.

- PO4: *Hình thành* được năng lực sáng tạo, nghiên cứu khoa học; mức độ tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp.

III. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

1. Kiến thức

- PLO1.1. *Áp dụng* được kiến thức cơ bản về lý luận mỹ thuật vào các sản phẩm thiết kế liên quan đến mỹ thuật ứng dụng.

- PLO1.2. *Áp dụng* được hệ thống kiến thức chuyên ngành đồ họa, bao gồm các lĩnh vực: xuất bản ấn phẩm, truyền thông, quảng cáo điện tử, trang trí nội thất và in ấn vào các hoạt động chuyên môn.

- PLO1.3. *Áp dụng* được kiến thức cơ bản về tiếp thị và quảng cáo thương mại điện tử vào đời sống xã hội.

2. Kỹ năng

- PLO2.1. *Thể hiện* được khả năng phân tích chọn lọc, sáng tạo, tiếp thị, quảng bá sản phẩm đồ họa.

- PLO2.2. Kỹ năng vận dụng kiến thức đồ họa vào các đồ án trang trí ứng dụng trong cuộc sống.

- PLO2.3. *Vận dụng* tốt mô hình hóa các đối tượng thực tế để phác họa, thiết kế và mô phỏng bằng các công cụ xử lý đa phương tiện vẽ tay, vẽ và thiết kế trên máy vi tính, kỹ năng sáng tác và thực hiện các sản phẩm đồ họa.

- PLO2.4. *Các kỹ năng* để nâng cao và hoàn thiện xử lý sản phẩm với sự thuần thục các công cụ phần mềm thiết kế đã học.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học

- PLO3.1. *Khả năng làm việc độc lập* biết trao đổi chia sẻ ý kiến; có khả năng thuyết trình các vấn đề về chuyên môn được đào tạo; có kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân hiệu quả bằng các phương tiện khác nhau (trực tiếp, văn bản, phương tiện điện tử, truyền thông); Có kỹ năng kiểm soát quỹ thời gian, xây dựng kế hoạch và tổ chức công việc hiệu quả;

- PLO3.2. *Khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý, đánh giá* các nguồn lực về cơ sở vật chất, con người trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.

- PLO3.3. *Khả năng tổ chức, hướng dẫn, giám sát và tương tác* trong hoạt động nhóm chuyên môn nghề nghiệp.

4. Năng lực

- PLO4.1. *Năng lực* phân biện tạo sự đổi mới trong các ý tưởng sáng tạo, hình thành tư duy sáng tác mới phù hợp với sự phát triển chung của xã hội.

- PLO4.2. *Năng lực* nghiên cứu, quan sát, sáng tạo, tìm tòi về các sản phẩm mỹ thuật ứng dụng.

- PLO4.3. *Năng lực* đánh giá hiệu quả công việc của bản thân, đồng nghiệp và truyền đạt kiến thức mỹ thuật ứng dụng đối với khách hàng.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Làm ở nhiều lĩnh vực khác nhau trong ngành Mỹ thuật ứng dụng như: Thiết kế đồ họa, chụp ảnh, vẽ minh họa, quảng cáo, in ấn, thiết kế tạp chí và xuất bản, thiết kế bao bì, truyền thông tương tác;

- Làm ở phòng văn hóa, phòng giáo dục huyện, thị, thành phố;

- Làm việc tại các cơ sở đào tạo giáo viên Mỹ thuật; trung tâm đào tạo Đồ họa.

- Làm chuyên viên tại Viện nghiên cứu, Trung tâm nghiên cứu mỹ thuật, trung tâm văn hóa tỉnh, thành phố, huyện thị.

- Tạo lập công ty hoặc thương hiệu riêng;

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Tự học tập, nghiên cứu kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ các lĩnh vực về chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng, Quản lý văn hoá, Nghệ thuật học;

- Học thêm bằng đại học thứ 2 những ngành có liên quan đến mỹ thuật, thiết kế (hoặc liên quan đến mỹ thuật ứng dụng);

- Học nâng cao các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ thuộc nhóm ngành mỹ thuật, thiết kế (hoặc liên quan đến mỹ thuật ứng dụng);

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CDR của chương trình đào tạo Đại học ngành Đồ họa, gồm:

1. Chương trình đào tạo

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Thiết kế Đồ họa Trường Đại học Tôn Đức Thắng

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Đồ họa Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Đồ Họa Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam.

2. Tài liệu tham khảo

- *Công văn số 2196/BGDĐT- GDDH* ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT* ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

- *Quyết định số 1982/QĐ-TTg* ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14* ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- *Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTD* ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa./.

uu

7. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH DU LỊCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 608/QĐ-ĐVTDT ngày 05 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Ngành đào tạo: Du lịch (Tourism)

2. Mã ngành: 7810101

3. Chứng nhận kiểm định: chưa kiểm định chất lượng

4. Trình độ đào tạo: Đại học

5. Loại hình đào tạo: Chính quy

6. Điều kiện tuyển sinh:

Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

Phạm vi tuyển sinh: cả nước

Hình thức tuyển sinh: Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo đề án của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh B1 châu Âu và tương đương; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

Có đơn gửi Phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp.

8. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Du lịch

9. Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu tổng quát:

Đào tạo cử nhân Du lịch có kiến thức nền tảng về khoa học quản lý, khoa học xã hội nhân văn và du lịch; có kiến thức chuyên môn vững vàng, chủ động, sáng tạo trong hoạt động hướng dẫn du lịch, thiết kế và điều hành tour du lịch; tổ chức sự kiện du lịch; có phẩm chất đạo đức; năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm trong hoạt động

ngành nghiệp, góp phần đưa du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: *Áp dụng* được kiến thức nền tảng về khoa học quản lý, khoa học xã hội nhân văn, kinh tế du lịch cũng như những kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực khác nhau của hoạt động du lịch, phục vụ công tác hướng dẫn du lịch.

PO2: *Thể hiện* được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp trong các hoạt động du lịch.

PO3: *Hình thành* được năng lực hướng dẫn du lịch, thiết kế, tư vấn và thực hiện chương trình du lịch, tổ chức sự kiện du lịch... đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

PO4: *Hình thành* được năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp.

III. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

1. Kiến thức:

PLO1.1. *Hiểu biết và vận dụng* những kiến thức liên ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa trong hoạt động hướng dẫn du lịch.

PLO1.2. *Hiểu, phân tích, đánh giá, vận dụng* những kiến thức cơ bản và chuyên sâu của khoa học du lịch vào thực tiễn hoạt động hướng dẫn du lịch.

2. Kỹ năng:

PLO2.1. *Hình thành kỹ năng* thực hành nghề hướng dẫn du lịch và các kỹ năng hỗ trợ trong hoạt động chuyên môn.

PLO2.2. *Hình thành kỹ năng* giao tiếp, xử lý tình huống trong hoạt động hướng dẫn du lịch; tạo dựng mối quan hệ với đồng nghiệp và khách du lịch.

PLO2.3. *Hình thành kỹ năng* sử dụng ngoại ngữ và tin học trong công việc chuyên môn.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học

PLO3.1. *Mức độ tự chủ:* Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong các chương trình du lịch.

PLO3.2. *Trách nhiệm của người học:* Có ý thức trách nhiệm công dân, thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, chấp hành kỉ luật và tác phong làm việc khoa học; có ý thức trách nhiệm trong việc phát triển du lịch bền vững.

4. Năng lực:

PLO4.1. *Năng lực vận dụng* kiến thức về du lịch, văn hóa, xã hội vào thực tiễn nghề nghiệp hướng dẫn viên du lịch.

PLO4.2. *Năng lực sáng tạo,* phát triển các hoạt động tương tác với khách du lịch, tìm hiểu tâm lý, nhu cầu khách du lịch, đối tượng khách du lịch để điều chỉnh phương pháp hướng dẫn du lịch phù hợp.

PLO4.3. *Năng lực phân tích, đánh giá* tiềm năng, thực trạng và cơ hội phát triển của hoạt động hướng dẫn du lịch trong bối cảnh hội nhập quốc tế

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Làm hướng dẫn viên du lịch cho các công ty du lịch lữ hành, các khu, điểm du lịch;

Làm nhân viên thiết kế tour; marketing, tư vấn, chào bán tour;

Làm nhân viên điều hành các chương trình du lịch; tổ chức sự kiện, teambuilding...

Tự thành lập và quản trị các doanh nghiệp du lịch, lữ hành và tổ chức kinh doanh theo luật định.

Làm chuyên viên, cán bộ quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp có liên quan đến du lịch; các tổ chức phi chính phủ;

Nghiên cứu và giảng dạy về du lịch tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu liên quan tới các lĩnh vực du lịch và lữ hành.

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

Học văn bằng 2 Đại học một chuyên ngành gần.

Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, đảm bảo kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ để tham gia học chương trình sau Đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) các chuyên ngành: Du lịch, Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Quản trị Kinh doanh...

Có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực Du lịch, Văn hóa.

Có năng lực để tổ chức các hoạt động nghề nghiệp quản trị du lịch, hướng dẫn du lịch, đáp ứng sự phát triển và nhu cầu xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CDR của chương trình đào tạo Đại học ngành Du lịch, gồm:

1. Chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Du lịch, Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Du lịch, Trường Đại học Văn hóa thành phố Hồ Chí Minh.

Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Du lịch, Trường Đại học Vinh.

Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Du lịch, Trường Du lịch – Đại học Huế.

Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Quản trị Dịch vụ và Du lịch trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Tài liệu tham khảo

Công văn số 2196/BGDĐT- GDĐH ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/0/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của GD Đại học.

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

Luật Giáo dục Đại học số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTD ngày 01/11/2021 về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. *uu*

8. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 608/QĐ-ĐVTDT ngày 05 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Ngành đào tạo: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
(Tourism and Travel Services Management)

2. Mã chuyên ngành: 52340103

3. Chứng nhận kiểm định: Chưa kiểm định chất lượng

4. Trình độ đào tạo: Đại học

5. Loại hình đào tạo: Chính quy

6. Điều kiện tuyển sinh:

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

- *Phạm vi tuyển sinh:* cả nước

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo; Đề án tuyển sinh của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp (đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp).

8. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

9. Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu tổng quát:

Đào tạo cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có kiến thức nền tảng về khoa học quản lý và khoa học xã hội nhân văn; có khả năng nghiên cứu, hình thành ý tưởng, sáng tạo, thiết kế, triển khai, tổ chức, điều hành và quản trị dịch vụ du lịch và các sự kiện, chương trình du lịch; năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế nói chung và ngành du lịch Việt Nam nói riêng trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể:

- PO1: *Áp dụng* được kiến thức nền tảng về khoa học quản lý, khoa học xã hội nhân văn và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thiết kế, tổ chức, quản lý, điều hành và thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh và phục vụ trong các doanh nghiệp du lịch và lữ hành;

- PO2: *Thể hiện* được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng nghiên cứu, phát triển nghề nghiệp trong hoạt động quản trị dịch vụ du lịch – lữ hành;

- PO3: *Hình thành* được năng lực lãnh đạo, tổ chức, quản lý, điều hành và thực hiện các chương trình, sự kiện và dịch vụ du lịch đáp ứng nhu cầu xã hội;

- PO4: *Hình thành* được năng lực sáng tạo, nghiên cứu khoa học, tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp.

III. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

1. Kiến thức

- PLO 1.1. *Áp dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học quản lý, khoa học xã hội nhân văn, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và thực tiễn hoạt động lĩnh vực Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;

- PLO 1.2. *Áp dụng* được hệ thống tri thức ngành du lịch, tri thức về quản trị dịch vụ du lịch - lữ hành và hệ thống tri thức hỗ trợ để lập luận, phân tích và lựa chọn thị trường khách hàng, xây dựng và cung ứng, tổ chức, quản lý, điều hành các chương trình, sự kiện và dịch vụ du lịch phù hợp với nhu cầu xã hội, đảm bảo theo đúng pháp luật du lịch.

2. Kỹ năng

- PLO 2.1. *Thể hiện* được đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và ứng xử chuyên nghiệp trong các nhiệm vụ chuyên môn và với khách hàng;

- PLO 2.2. *Kỹ năng* lãnh đạo, xây dựng được các kế hoạch, quy trình quản trị và giám sát các hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành, khu vui chơi nghỉ dưỡng; Thiết kế, quản lý, tổ chức và điều hành chương trình du lịch; Thực hiện các hoạt động du lịch – lữ hành, sự kiện dịch vụ theo các tiêu chuẩn về du lịch;

- PLO 2.3. *Vận dụng* tốt các kỹ thuật về công nghệ thông tin và ngoại ngữ nhằm thiết kế được kế hoạch chuyên môn, marketing chương trình du lịch online cũng như thực hiện được các giao dịch và đàm phán trực tuyến với khách hàng trong thời đại công nghệ 4.0.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học

- PLO3.1. *Tự chủ* làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm theo yêu cầu của nhiệm vụ chuyên môn.

- PLO3.2. *Tự chủ* trong thiết kế, tổ chức, quản lý, điều hành và thực hiện các chương trình, sự kiện, dịch vụ du lịch. Đánh giá và thực hiện hiệu quả các hoạt động phục vụ dịch vụ du lịch và lữ hành.

- PLO3.3. *Trách nhiệm* đối với xã hội, đối với môi trường, đối với khách du lịch trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

4. Năng lực

- PLO4.1. *Năng lực phản biện* tri thức và phương pháp cung cấp dịch vụ du lịch, hình thành tư duy và giải pháp thay thế trong điều kiện đổi mới, cải tiến nâng cao chất lượng, đa dạng và phát triển các chương trình du lịch mới phù hợp với nhu cầu xã hội;

- PLO4.2. *Năng lực nghiên cứu*, tìm hiểu tâm lý, nhu cầu khách du lịch, hệ thống các tuyến điểm du lịch để điều chỉnh, thiết kế chương trình, sự kiện và dịch vụ du lịch phù hợp;

- PLO4.3. *Năng lực quản trị và điều hành chuyên môn, nghiệp vụ* theo đúng quy định của pháp luật; lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- PLO4.4. *Năng lực đánh giá* được hiệu quả công việc của bản thân, đồng nghiệp và điều chỉnh kế hoạch quản trị dịch vụ du lịch – lữ hành phù hợp với nhu cầu khách hàng.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Làm cán bộ quản lý, điều hành tại các công ty lữ hành trong và ngoài nước, các hãng vận chuyển khách du lịch, các doanh nghiệp kinh doanh về giải trí, tổ chức sự kiện;

- Làm hướng dẫn viên du lịch, thuyết minh viên du lịch, hoạt náo viên tại các chương trình du lịch, điểm du lịch; sự kiện dịch vụ;

- Phụ trách các bộ phận khác của các doanh nghiệp du lịch như: Marketing, Quan hệ khách hàng, nhân sự, chăm sóc khách hàng, xúc tiến thương mại...

- Làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở trung ương và địa phương; trở thành giảng viên, chuyên viên tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu lĩnh vực du lịch...

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Tự học, nghiên cứu, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ...

- Tham gia học các chương trình đào tạo sau đại học về chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Du lịch.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CDR của chương trình đào tạo Đại học ngành Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành, gồm:

1. Chương trình đào tạo

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành Trường Đại học công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành Trường Đại học Thương Mại - Hà Nội.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn – Hà Nội.

2. Tài liệu tham khảo

- *Công văn số 2196/BGDĐT- GDDH* ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT* ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

- *Quyết định số 1982/QĐ-TTg* ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14* ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- *Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTD* ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa./.

9. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 608/QĐ-ĐVTDT ngày 05 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành đào tạo:** Quản trị khách sạn (Hotel Management)

2. **Mã ngành:** 7810201

3. **Chứng nhận kiểm định:** chưa kiểm định chất lượng

4. **Trình độ đào tạo:** Đại học

5. **Loại hình đào tạo:** Chính quy

6. **Điều kiện tuyển sinh:**

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng. (Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

- *Phạm vi tuyển sinh:* cả nước

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đề án tuyển sinh của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. **Điều kiện tốt nghiệp:**

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp (đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp).

8. **Văn bằng tốt nghiệp:** Cử nhân Quản trị Khách sạn

9. **Đơn vị cấp bằng:** Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Mục tiêu tổng quát:**

Đào tạo cử nhân Quản trị khách sạn có kiến thức nền tảng về khoa học quản lý, hoạt động quản trị và kiến thức về khoa học xã hội nhân văn. Sinh viên được đào tạo các kỹ năng nghiệp vụ, năng lực quản trị; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá hoạt động quản trị; năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển doanh nghiệp kinh doanh khách sạn trong bối cảnh hiện đại hoá đất nước và hội nhập.

2. Mục tiêu cụ thể:

- PO1: *Áp dụng* được kiến thức nền tảng về khoa học quản lý, quản trị và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản trị khách sạn.

- PO2: *Thể hiện* được các kỹ năng nghiệp vụ, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề trong hoạt động quản trị khách sạn.

- PO3: *Hình thành* khả năng xây dựng ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá và phát triển hoạt động quản trị khách sạn đáp ứng nhu cầu xã hội.

- PO4: *Hình thành* năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp.

III. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

1. Kiến thức

- PLO1.1: *Hiểu và phân tích* được những nguyên lý, kiến thức cơ bản về khoa học thuộc lĩnh vực xã hội & nhân văn, khoa học tự nhiên vận dụng trong hoạt động quản trị khách sạn.

- PLO1.2: *Phân tích, đánh giá, vận dụng* những kiến thức cơ bản của khoa học quản lý, kiến thức liên ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, địa lý, khoa học công nghệ, luật pháp... áp dụng trong quản trị nói chung và quản trị khách sạn nói riêng, góp phần tích cực vào nghiên cứu, phát triển du lịch một cách bền vững.

- PLO1.3: *Hiểu, phân tích, đánh giá, vận dụng* được những nguyên tắc, kỹ năng cơ bản trong việc cung cấp các dịch vụ lưu trú có chất lượng, thoả mãn nhu cầu khách hàng, đảm bảo sự phát triển của doanh nghiệp khách sạn trong sự phát triển chung của địa phương và đất nước.

- PLO1.4: *Tổ chức, quản lý, điều hành* hoạt động lưu trú, ẩm thực; vận dụng để tạo được sản phẩm thu hút khách du lịch.

- PLO1.5: *Hiểu, phân tích, đánh giá và vận dụng* được chiến lược kinh doanh bền vững để ứng dụng trong nghiên cứu du lịch nhằm giảm thiểu các tác động rủi ro cũng như tối ưu hóa các tác động tích cực.

2. Kỹ năng

- PLO2.1: *Kỹ năng* nghiệp vụ trong quản trị khách sạn (kỹ năng về lễ tân, buồng, bàn, bar, bếp); kỹ năng sử dụng hệ thống trang thiết bị và công nghệ, đảm bảo nguyên tắc, quy trình làm việc tốt nhất trong lĩnh vực quản trị khách sạn.

- PLO2.2: *Kỹ năng* phân loại và tiếp cận các nguồn khách hàng, có khả năng thuyết phục và chia sẻ với khách hàng.

- PLO2.3: *Thực hiện, vận dụng linh hoạt kỹ năng* tạo động lực làm việc cho bản thân và đồng nghiệp, xây dựng kế hoạch nghề nghiệp tương lai của cá nhân trong lĩnh vực quản trị khách sạn.

- PLO2.4: *Kỹ năng* xây dựng giải pháp và khuyến nghị để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong thực tiễn quản lý, nắm bắt, hiểu và triển khai các mục tiêu, kế hoạch và văn hóa doanh nghiệp khách sạn trong hoạt động của doanh nghiệp.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học

- PLO3.1: *Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm* theo yêu cầu của nhiệm vụ quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và theo nhu cầu đổi mới quản trị của xã hội đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế.

- PLO3.2: *Khả năng tổ chức, điều hành, giám sát, đánh giá và chịu trách nhiệm* trong hoạt động nhóm đơn vị, của các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ trong doanh nghiệp, trong hoạt động quản trị khách sạn.

- PLO3.3: *Khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý và chịu trách nhiệm* các nguồn lực về cơ sở vật chất, con người, khả năng đánh giá, cải thiện hiệu quả các hoạt động quản trị.

4. Năng lực

- PLO4.1: *Năng lực phản biện* tri thức và phương pháp quản trị; hình thành các phương hướng, phương pháp thực hiện trong điều kiện đổi mới, cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ trong quản trị khách sạn.

- PLO4.2: *Năng lực nghiên cứu, quan sát, tìm hiểu và đánh giá* mức độ phát triển hoạt động quản trị nghiệp vụ, hoạt động quản trị lưu trú đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu xã hội.

- PLO4.3: *Năng lực đánh giá* được hiệu quả công việc của bản thân, đồng nghiệp và điều chỉnh kế hoạch quản trị phù hợp với đặc điểm tình hình của doanh nghiệp.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Làm việc tại bộ phận hoạch định chiến lược, chính sách và kế hoạch kinh doanh khách sạn; Bộ phận quản trị dự án kinh doanh hoặc quản trị nhân lực tại các doanh nghiệp khách sạn, nhà hàng, lữ hành.

- Làm việc tại các bộ phận nghiệp vụ (Lễ tân, buồng, bàn, bar, bếp) tại các khách sạn, nhà hàng; Bộ phận chăm sóc khách hàng và Marketing du lịch; Bộ phận quản trị chất lượng dịch vụ.

- Làm việc ở các bộ phận quản trị và hoạt động thương mại; doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh; các bộ phận R&D ở các tổ chức kinh tế, tổ chức phi lợi nhuận.

- Làm việc tại các viện nghiên cứu; các cơ sở đào tạo; các cơ quan, bộ phận có liên quan đến quản lý lưu trú, du lịch.

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Tự học, tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

- Học nâng cao trình độ ở các bậc học cao hơn như thạc sĩ, tiến sĩ.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CDR của chương trình đào tạo Đại học Quản trị khách sạn, gồm:

1. Chương trình đào tạo

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành QTKS Trường Đại học Thương mại Hà Nội.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành QTKS Trường Đại học Khoa học xã hội nhân văn Hà Nội.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành QTKS Đại học Du lịch Sài Gòn.

2. Tài liệu tham khảo

- *Công văn số 2196/BGDĐT- GDDH* ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT* ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

- *Quyết định số 1982/QĐ-TTg* ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14* ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- *Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTD* ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. /.

10. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 608/QĐ-ĐVTDT ngày 05 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành đào tạo:** Giáo dục thể chất (Physical Education)

2. **Mã chuyên ngành:** 7140206

3. **Chứng nhận kiểm định:** Chưa kiểm định chất lượng

4. **Trình độ đào tạo:** Đại học

5. **Loại hình đào tạo:** Chính quy

6. **Điều kiện tuyển sinh:**

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

- *Phạm vi tuyển sinh:* cả nước

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đề án tuyển sinh của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. **Điều kiện tốt nghiệp:**

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp (đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp).

8. **Văn bằng tốt nghiệp:** Cử nhân Giáo dục thể chất

9. **Đơn vị cấp bằng:** Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu tổng quát:

Đào tạo cử nhân Giáo dục thể chất có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội nhân văn và khoa học giáo dục; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá hoạt động giáo dục thể chất và thể thao ở các bậc học thuộc hệ thống Giáo dục quốc dân; hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp

đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể:

- PO1: *Áp dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn, khoa học giáo dục để vận dụng, giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực giáo dục thể chất, thể dục thể thao.

- PO2: *Thể hiện* được kỹ năng phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp trong các hoạt động giáo dục thể chất, thể dục thể thao.

- PO3: *Hình thành* được năng lực xây dựng ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá và phát triển chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất đáp ứng nhu cầu xã hội.

- PO4: *Hình thành* được năng lực sáng tạo, nghiên cứu khoa học; năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp.

III. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

1. Kiến thức

- PLO1.1. *Áp dụng* được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội nhân văn, chính trị, pháp luật trong giải quyết các vấn đề học tập, thực tiễn giáo dục thể chất và cơ sở giáo dục trường học, phù hợp với ngành Giáo dục thể chất.

- PLO1.2. *Áp dụng* được hệ thống kiến thức ngành, nguyên tắc, phương pháp giảng dạy Giáo dục thể chất... để lập luận, phân tích, tổ chức thực hiện giảng dạy môn giáo dục thể chất và các hoạt động phong trào thể thao.

- PLO1.3. *Áp dụng* kiến thức ngành vào việc lựa chọn phát triển chương trình đào tạo giáo dục thể chất.

2. Kỹ năng

- PLO2.1. *Thể hiện* đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và có kỹ năng giao tiếp ứng xử, tác phong sư phạm mẫu mực trong các nhiệm vụ chuyên môn. Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình trước đám đông; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng làm việc nhóm; và kỹ năng lập kế hoạch tổ chức các hoạt động nội khóa, ngoại khóa thể dục thể thao.

- PLO2.2. *Kỹ năng tổ chức thực hiện* hiệu quả các nhiệm vụ giảng dạy và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực giáo dục thể chất và hoạt động thể thao quần chúng.

- PLO2.3. *Vận dụng tốt* các kỹ thuật về công nghệ thông tin truyền thông, các phần mềm dạy học, sử dụng được các phương tiện kỹ thuật thực hành phục vụ công tác nghiên cứu và giảng dạy giáo dục thể chất và hoạt động thể thao quần chúng.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học

- PLO3.1. *Nhận thức* và thể hiện được đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm với xã hội và môi trường; có ý thức kỷ luật tốt và tuân thủ pháp luật; có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc; quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

- PLO3.2. *Tự định hướng*, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân và khả năng học tập suốt đời góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững của xã hội.

4. Năng lực

- PLO4.1. *Năng lực phản biện* tri thức và phương pháp giáo dục; hình thành các giải pháp thay thế trong điều kiện đổi mới, cải tiến, nâng cao chất lượng, phát triển chương trình giáo dục Giáo dục thể chất.

- PLO4.2. *Năng lực nghiên cứu*, thiết kế, triển khai, đánh giá và cải tiến các hoạt động giáo dục thể chất và thể thao theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh ở trường học phổ thông và thể thao quần chúng trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

- PLO4.3. *Năng lực đánh giá* và cải tiến các hoạt động giáo dục thể chất và thể thao quần chúng.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Làm giáo viên giảng dạy môn Giáo dục thể chất hoặc hướng dẫn các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp trong các trường Tiểu học, THCS; THPT; Trung cấp; cao đẳng.

- Làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong các trường Tiểu học, THCS.

- Làm cán bộ hoặc chuyên viên phòng Giáo dục - Đào tạo, phòng Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trung tâm TDTT...

- Làm cán bộ phong trào phụ trách Thiếu nhi về TDTT, huấn luyện các đội tuyển thể dục thể thao ở các địa phương.

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.

- Học thêm bằng đại học thứ 2 những ngành có liên quan đến lĩnh vực thể thao.

- Học nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ để tham gia học các chương trình sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) các lĩnh vực chuyên ngành: Giáo dục thể chất và Thể dục thể thao.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CDR của chương trình đào tạo Đại học ngành Giáo dục thể chất, gồm:

1. Chương trình đào tạo

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành GDTC Trường Đại học Hồng Đức

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành GDTC Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành GDTC Trường Đại học TDTT Hà Nội

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành GDTC Trường Đại học Vinh

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành GDTC Trường Đại học Quy Nhơn

2. Tài liệu tham khảo

- *Công văn số 2196/BGDĐT- GDDH* ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT* ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

- *Quyết định số 1982/QĐ-TTg* ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14* ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- *Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTD* ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa./.

11. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 608 /QĐ-ĐVTDT ngày 05 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Ngành đào tạo: Quản lý thể dục thể thao (Sports Management)

2. Mã ngành: 52220343

3. Chứng nhận kiểm định: Chưa kiểm định chất lượng

4. Trình độ đào tạo: Đại học

5. Loại hình đào tạo: Chính quy

6. Điều kiện tuyển sinh:

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

- *Phạm vi tuyển sinh:* cả nước

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đề án tuyển sinh của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp (đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp).

8. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Quản lý thể dục thể thao

9. Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo cử nhân Quản lý Thể dục thể thao có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội nhân văn; kiến thức về lĩnh vực quản lý Thể dục thể thao; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, tham gia tổ chức và quản lý các hoạt động thể dục thể

thao; có năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển thể dục thể thao trong bối cảnh hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

- PLO1: *Áp dụng* được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội nhân văn, kiến thức về lĩnh vực quản lý nói chung và quản lý thể dục thể thao nói riêng để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực thể dục thể thao.

- PLO2: *Thể hiện* được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp trong các hoạt động quản lý thể dục thể thao.

- PLO3: *Hình thành* được năng lực xây dựng ý tưởng, thiết kế, triển khai, tham gia tổ chức và quản lý các hoạt động thể dục thể thao.

- PLO4: *Hình thành* được năng lực sáng tạo, nghiên cứu khoa học tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp.

III. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

1. Kiến thức

- PLO1.1. *Áp dụng* được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn, chính trị và pháp luật giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và thực tiễn quản lý thể dục thể thao.

- PLO1.2. *Áp dụng* được hệ thống tri thức về khoa học quản lý thể dục thể thao để lập luận, phân tích, xây dựng kế hoạch, tổ chức và quản lý các hoạt động thể dục thể thao.

- PLO1.3. *Áp dụng* kiến thức ngành vào việc lựa chọn, phát triển, ứng dụng trong việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và quản lý các lĩnh vực thể dục thể thao.

2. Kỹ năng

- PLO2.1. *Thể hiện* đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử và có năng lực công tác, tích cực, chủ động trong hoạt động chuyên môn theo hướng phát triển và hiện đại.

- PLO2.2. *Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức quản lý* các hoạt động thuộc lĩnh vực thể dục thể thao khác nhau trong xã hội.

- PLO2.3. *Vận dụng tốt* các công cụ thu thập, phân tích dữ liệu và đánh giá, kịp thời điều chỉnh kế hoạch, tổ chức các hoạt động quản lý thể dục thể thao.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học

- PLO3.1: Nhận thức và thể hiện được đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm với xã hội và môi trường; có ý thức kỷ luật tốt và tuân thủ pháp luật; có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc; quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

- PLO3.2: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân và khả năng học tập suốt đời góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững của xã hội.

4. Năng lực

- PLO4.1: *Năng lực tổ chức, quản lý* các hoạt động thể dục thể thao một cách hiệu quả, chủ động sáng tạo, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình xây dựng và triển khai kế hoạch quản lý các hoạt động thể dục thể thao.

- PLO4.2: *Năng lực nghiên cứu khoa học* về lĩnh vực thể dục thể thao; quan sát, tìm hiểu và đánh giá nhu cầu xã hội về thể dục thể thao hiện nay.

- PLO4.3: *Năng lực đánh giá* và cải tiến các hoạt động thể dục thể thao.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Làm việc trong các cơ quan, tổ chức quản lý về thể dục thể thao ở các cấp ban, ngành; các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, hiệp hội và các câu lạc bộ về thể dục thể thao; các doanh nghiệp kinh doanh, sản xuất, dịch vụ về thể thao.

- Làm giáo viên giảng dạy môn GDTC tại các Trường phổ thông; Trung cấp, Cao đẳng (nếu học thêm nghiệp vụ sư phạm).

- Làm việc ở các cơ quan nghiên cứu về Thể dục thể thao.

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.

- Tự nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ để tham gia học các chương trình sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) các lĩnh vực về chuyên ngành Huấn luyện thể thao, Giáo dục thể chất.

- Học thêm bằng đại học thứ 2 những ngành có liên quan đến lĩnh vực thể thao.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CDR của chương trình đào tạo Đại học ngành Quản lý thể dục thể thao, gồm:

1. Chương trình đào tạo

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Quản lý thể dục thể thao Trường Đại học Thể dục thể thao Từ Sơn - Bắc Ninh.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Quản lý thể dục thể thao Trường Đại học Thể dục thể thao Hồ Chí Minh.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Quản lý thể dục thể thao Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng.

2. Tài liệu tham khảo

- *Công văn số 2196/BGDĐT- GDDH* ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT* ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

- *Quyết định số 1982/QĐ-TTg* ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14* ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- *Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTD* ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. /.

12. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 608/QĐ-ĐVTDT ngày 05 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành đào tạo:** Ngôn ngữ Anh (English language)

2. **Mã ngành:** 52220201

3. **Chứng nhận kiểm định:** Chưa kiểm định chất lượng

4. **Trình độ đào tạo:** Đại học

5. **Loại hình đào tạo:** Chính quy

6. **Điều kiện tuyển sinh:**

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

- *Phạm vi tuyển sinh:* cả nước

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đề án tuyển sinh của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. **Điều kiện tốt nghiệp:**

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp (đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp).

8. **Văn bằng tốt nghiệp:** Cử nhân Ngôn ngữ Anh

9. **Đơn vị cấp bằng:** Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Mục tiêu tổng quát:**

Đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (tương đương trình độ C1 theo Khung năng lực ngôn ngữ chung Châu Âu); có kiến thức nền tảng về

ngôn ngữ văn hóa các nước nói tiếng Anh; có kiến thức và các kỹ năng cần thiết để công tác; có năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của xã hội và nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo, có khả năng học lên các bậc học cao hơn.

2. Mục tiêu cụ thể:

- PO1: *Áp dụng* được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội nhân văn, khoa học giáo dục và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề trong các công việc có sử dụng tiếng Anh.

- PO2: *Áp dụng* được kiến thức nền tảng về ngôn ngữ và các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ để phân tích, nhận diện các đơn vị, các bộ phận của ngôn ngữ Anh.

- PO3: *Thể hiện* được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh.

- PO4: *Hình thành* được tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về các vấn đề ngôn ngữ, văn học, văn hóa-văn minh của các nước nói tiếng Anh để tham gia các hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của xã hội.

- PO5: *Hình thành* được năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp.

III. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

1. Kiến thức

- PLO 1.1. *Áp dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn, chính trị và pháp luật trong giải quyết nhiệm vụ công việc thực tiễn trong môi trường làm việc có sử dụng tiếng Anh.

- PLO 1.2. *Áp dụng* được những kiến thức nền tảng về ngữ âm học và âm vị học tiếng Anh để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ; về ngữ nghĩa học tiếng Anh, ngữ pháp tiếng Anh, diễn ngôn tiếng Anh trong công việc chuyên môn.

- PLO 1.3. *Áp dụng* kiến thức khái quát về văn hóa, văn học, giao thoa văn hóa của các nước nói tiếng Anh vào các kỹ năng thuyết trình, phân tích phê phán, làm việc nhóm, nghiên cứu liên ngành và kỹ năng tranh luận, nâng cao vốn từ vựng, các kỹ năng tiếng Anh.

2. Kỹ năng

- PLO 2.1. *Thể hiện* đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và có kỹ năng giao tiếp ứng xử tốt trong các nhiệm vụ chuyên môn.

- PLO 2.2. *Kỹ năng* giao tiếp bằng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) tương đương trình độ bậc 5 theo khung tham chiếu Châu Âu.

- PLO 2.3. *Ứng dụng tốt* các kỹ năng mềm để giải quyết những công việc cụ thể trong môi trường làm việc nghề nghiệp;

- PLO 2.4. *Hình thành* kỹ năng tự tìm hiểu và nắm bắt những cơ hội tiếp cận thị trường lao động sau khi tốt nghiệp.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học

- PLO 3.1. *Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm* trong lĩnh vực chuyên môn, tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm và đối với kết quả công việc của chính mình.

- PLO 3.2. *Khả năng tự phân tích, đánh giá*, đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ và một số vấn đề phức tạp nảy sinh trong thực tiễn làm việc.

- PLO 3.3. *Khả năng tự lập kế hoạch, điều phối, cải tiến* các hoạt động chuyên môn, phát huy trí tuệ tập thể, có tinh thần trách nhiệm, hợp tác, tự chủ trong công việc.
- PLO 3.4. *Khả năng tự học tập và học tập suốt đời*, tích lũy, cập nhật kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ hoặc tiếp tục được đào tạo ở bậc cao hơn để đáp ứng yêu cầu xã hội.

4. Năng lực

- PLO 4.1. *Năng lực phản biện* phê phán kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học tập nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực thực hành ngôn ngữ tiếng Anh.
- PLO 4.2. *Năng lực nghiên cứu* về các vấn đề ngôn ngữ, văn học, văn hóa-văn minh của các nước nói tiếng Anh.
- PLO 4.3. *Năng lực đánh giá* được hiệu quả công việc của bản thân, đồng nghiệp và điều chỉnh kế hoạch làm việc phù hợp với yêu cầu công việc.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Làm biên, phiên dịch tiếng Anh trong các công ty, doanh nghiệp, cơ quan truyền thông và các tổ chức xã hội có sử dụng tiếng Anh.
- Làm việc trong các công ty, doanh nghiệp, trường học, cơ sở đào tạo, hoặc các tổ chức xã hội trong hoặc ngoài nước có sử dụng tiếng Anh.
- Giảng dạy tiếng Anh tại các trường phổ thông hoặc các cơ sở giáo dục có đào tạo tiếng Anh.

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn;
- Học các chương trình sau đại học phù hợp, đặc biệt là các chuyên ngành như: Ngôn ngữ Anh, Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh, Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu...
- Học thêm một ngành bậc đại học khác.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CDR của chương trình đào tạo Đại học ngành Ngôn ngữ Anh, gồm:

1. Chương trình đào tạo

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Ngôn ngữ Anh - Trường Đại học Hà Nội.
- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Ngôn ngữ Anh - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Ngôn ngữ Anh - Học viện Ngoại giao.

2. Tài liệu tham khảo

- *Công văn số 2196/BGDĐT- GDDH* ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.
- *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT* ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.
- *Quyết định số 1982/QĐ-TTg* ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.
- *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14* ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- *Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTD* ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa./.

13. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 608/QĐ-ĐVTDT ngày 05 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Ngành/Chuyên ngành đào tạo: Luật/Law

2. Mã chuyên ngành: 7380101

3. Chứng nhận kiểm định: chưa kiểm định chất lượng

4. Trình độ đào tạo: Đại học

5. Loại hình đào tạo: Chính quy, liên thông chính quy, vừa làm vừa học

6. Điều kiện tuyển sinh:

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

- *Phạm vi tuyển sinh:* cả nước

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đề án tuyển sinh của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp (đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp).

8. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Luật

9. Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo cử nhân ngành Luật có kiến thức và chuyên môn về nhà nước và pháp luật, thực tiễn pháp lý và những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội có liên quan đến lĩnh vực pháp luật đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành nghề, của xã hội và hội nhập quốc tế; có khả năng tư duy độc lập, thích nghi với nhu cầu phát triển cá nhân trong tương lai; có phẩm chất đạo đức, sự chịu trách nhiệm, nhận thức chính trị vững vàng, sức khỏe tốt.

2. Mục tiêu cụ thể

- PO1: *Áp dụng* được kiến thức nền tảng về khoa học chính trị, khoa học xã hội nhân văn, khoa học pháp lý và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực pháp luật.

- PO2: *Thể hiện* được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp trong hoạt động pháp lý.

- PO3: *Hình thành* được năng lực xây dựng ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá và phát triển chương trình luật đáp ứng nhu cầu xã hội.

- PO4: *Hình thành* được năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp.

III. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

1. Kiến thức

- PLO1.1. *Hiểu* được kiến thức về chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, công nghệ thông tin, ngoại ngữ làm nền tảng cho việc tiếp nhận, nghiên cứu và phát triển tri thức của ngành luật.

- PLO1.2. *Vận dụng* được kiến thức cơ sở ngành về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong đời sống xã hội.

- PLO1.3. *Áp dụng* được kiến thức chuyên sâu thuộc các lĩnh vực pháp luật về hành chính, hình sự, dân sự, kinh tế, quốc tế... trong hoạt động nghề nghiệp.

2. Kỹ năng

- PLO2.1. *Hình thành* kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá, lập luận, phản biện, tư vấn, giải quyết các vấn đề pháp lý dựa trên những luận cứ khoa học.

- PLO2.2. *Kỹ năng* cập nhật kiến thức pháp luật mới, thực tiễn; tra cứu các văn bản pháp luật; lựa chọn và áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn; tư vấn, soạn thảo các văn bản pháp lý trong công việc của mình; phân tích, bình luận bản án, quyết định của cơ quan tài phán; nghiên cứu, giải quyết vấn đề pháp lý.

- PLO2.3. *Vận dụng* tốt các kỹ thuật công nghệ, truyền thông và ngoại ngữ nhằm phục vụ cho công việc chuyên môn và công việc hành chính khác có liên quan.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học

- PLO3.1. *Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm* theo từng yêu cầu công việc và nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân, tổ chức khác trong công việc.

- PLO3.2. *Khả năng tổ chức, hướng dẫn, giám sát và tương tác* chuyên nghiệp, chủ động, tự tin, mạnh dạn, dám chịu trách nhiệm trong giải quyết công việc, biết bày

tỏ quan điểm và biết lắng nghe và thực hiện. Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; kết hợp giữa thực tiễn và lý thuyết, đúc kết kinh nghiệm để giải quyết vấn đề ngày một hiệu quả cao.

- PLO3.3. *Khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý, thích nghi* với các nguồn lực về cơ sở vật chất, con người; khả năng đánh giá, cải thiện hiệu quả công việc và chịu trách nhiệm trong lĩnh vực pháp luật được giao.

4. Năng lực

- PLO4.1. *Năng lực phản biện* về các vấn đề pháp lý, nhằm hình thành sự chủ động, tự tin khi đưa ra quan điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân, đưa ra hướng giải quyết vấn đề khoa học và đúng pháp luật.

- PLO4.2. *Năng lực tư duy pháp lý* về các vấn đề liên quan đến pháp luật, vận dụng kiến thức ngành để giải quyết vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- PLO4.3. *Năng lực nghiên cứu, quan sát sự việc pháp lý* để tìm hiểu, thu thập, sắp xếp, lựa chọn và xử lý thông tin đối với các vấn đề pháp lý cụ thể.

- PLO4.4. *Năng lực đánh giá* hiệu quả công việc của bản thân, đồng nghiệp và điều chỉnh kế hoạch làm việc phù hợp với đặc điểm lĩnh vực pháp luật.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Làm việc trong các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp, các doanh nghiệp trong và ngoài quốc doanh.

- Làm cán bộ tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng tại các công ty luật, văn phòng luật sư, văn phòng công chứng, trung tâm trọng tài thương mại; cố vấn pháp lý, chuyên viên pháp lý tại các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội; tổ chức xã hội, xã hội – nghề nghiệp;

- Làm việc trong các cơ sở đào tạo và nghiên cứu về pháp luật, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ có hoạt động về ngành pháp lý.

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.

- Có thể học thêm ngành đại học thứ 2 những ngành có cùng các môn xét tuyển như: Quản lý nhà nước, Chính trị học, Báo chí, Công tác xã hội, Ngôn ngữ anh, kinh tế, ngoại thương, Du lịch...

- Học nâng cao trình độ sau đại học trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CDR của chương trình đào tạo Đại học ngành luật, gồm:

1. Chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo đại học ngành Luật Trường Đại học Luật Hà Nội.

- Chương trình đào tạo đại học ngành Luật Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Chương trình đào tạo đại học ngành Luật Trường Đại học Vinh

- Chương trình đào tạo đại học ngành Luật Trường Đại học Hồng Đức.
- Chương trình đào tạo đại học ngành Luật Trường Đại học Huế.

2. Tài liệu tham khảo

- *Công văn số 2196/BGDĐT- GDDH* ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT* ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

- *Quyết định số 1982/QĐ-TTg* ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14* ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- *Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTTDT* ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa./.

14. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 608/QĐ-ĐVTDT ngày 05 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành/Chuyên ngành đào tạo:** Quản lý Nhà nước/State Management

2. **Mã chuyên ngành:** 7310205

3. **Chứng nhận kiểm định:** Đã kiểm định (QĐ số 596/QĐ-KĐCLV ngày 27/2/2023)

4. **Trình độ đào tạo:** Đại học

5. **Loại hình đào tạo:** Chính quy

6. **Điều kiện tuyển sinh:**

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

- *Phạm vi tuyển sinh:* cả nước

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đề án tuyển sinh của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. **Điều kiện tốt nghiệp:**

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp (đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp).

8. **Văn bằng tốt nghiệp:** Cử nhân Quản lý Nhà nước

9. **Đơn vị cấp bằng:** Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Mục tiêu tổng quát:**

Đào tạo cử nhân Quản lý Nhà nước có kiến thức nền tảng về tổ chức, điều hành, kiểm soát hoạt động quản lý nhà nước; có khả năng hoạch định và thực thi chính sách, chiến lược, ra quyết định quản lý và thực hiện công việc liên quan đến quản lý nhà

nước trên các lĩnh vực thuộc khu vực công và tư; có năng lực tự chủ và trách nhiệm trong nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể:

- PO1: *Hiểu và vận dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học quản lý; khoa học xã hội nhân văn; về pháp luật Việt Nam, về quốc phòng an ninh; kiến thức cơ bản và chuyên sâu của ngành Quản lý nhà nước để giải quyết các vấn đề trong quản lý, điều hành tổ chức ở khu vực công và tư.

- PO2: *Hình thành kỹ năng* nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân; kỹ năng thực hành cơ bản; kỹ năng lãnh đạo, quản lý; năng lực tập hợp đoàn kết, phối hợp trong công việc; Kỹ năng giao tiếp, ứng xử.

- PO3: *Hình thành năng lực* sử dụng ngoại ngữ, tin học, làm việc nhóm; khả năng thích ứng trong điều kiện làm việc thay đổi; phương pháp nghiên cứu khoa học trong công việc chuyên môn và nghiên cứu.

- PO4: *Hình thành năng lực* tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp.

III. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

1. Kiến thức

- PLO1.1: *Hiểu* được kiến thức cơ bản của một số ngành khoa học về chính trị; khoa học quản lý; khoa học xã hội nhân văn; pháp luật đại cương; nghiên cứu khoa học; công nghệ thông tin; ngoại ngữ, nắm bắt được dư luận xã hội làm nền tảng cho việc tiếp nhận, nghiên cứu và phát triển kiến thức chuyên sâu của chương trình đại học ngành Quản lý Nhà nước.

- PLO1.2: *Hiểu* được kiến thức cơ bản liên quan đến luật Hiến pháp, luật Hành chính, luật Lao động để làm cơ sở pháp lý cho hoạt động công vụ của chuyên viên hành chính.

- PLO1.3: *Vận dụng* được kiến thức chuyên sâu về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, chính sách công, quản lý nhân sự hành chính nhà nước, công vụ - công chức; thủ tục hành chính, thẩm quyền hành chính, thanh tra và giải quyết khiếu nại hành chính trong quản lý nhà nước và thi hành công vụ.

- PLO1.4: *Vận dụng* được kiến thức chuyên sâu của quản lý nhà nước theo ngành, theo lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, thể thao và du lịch; dân tộc và tôn giáo; hành chính tư pháp; nông thôn, đô thị nhằm thực hiện hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước.

2. Kỹ năng

- PLO2.1: *Kỹ năng* tổng hợp, phân tích, đánh giá, xử lý vấn đề trong quản lý nhà nước; tham mưu, lập kế hoạch cho lãnh đạo, cơ quan đơn vị về nghiệp vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực; biết cách sử dụng một số công cụ phục vụ các hoạt động trên.

- PLO2.2: *Kỹ năng* quản lý và lãnh đạo; khai thác các nguồn lực, sử dụng các thiết bị và phương tiện hỗ trợ, đặc biệt là công nghệ thông tin và ngoại ngữ; kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ nhằm thực thi có hiệu quả các công việc trong khu vực công và tư.

- PLO2.3: *Kỹ năng giao tiếp công vụ*, giao tiếp hiệu quả đối với lãnh đạo, đồng nghiệp, nhân dân, đối tác trong khi thi hành công vụ.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- PLO3.1: *Hình thành khả năng* tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có khả năng hội nhập.

- PLO3.2: *Hình thành khả năng* điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

- PLO3.3: *Hình thành khả năng* tự chủ, tự chịu trách nhiệm, có trách nhiệm với cơ quan, tổ chức và xã hội; có đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ; có bản lĩnh tự tin, độc lập, sáng tạo và khả năng hội nhập.

4. Năng lực

- PLO4.1: *Năng lực tư duy sáng tạo*, lập luận, phản biện vấn đề, tình huống cụ thể bằng các lý lẽ và dẫn chứng thuyết phục.

- PLO4.2: *Năng lực lãnh đạo, quản lý, tổ chức và điều hành, thực thi* các nhiệm vụ của quản lý nhà nước.

- PLO4.3: *Năng lực đánh giá và cải tiến* các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân và công việc trong quản lý nhà nước.

- PLO4.4: *Năng lực làm việc theo nhóm*, khả năng thích nghi và hòa nhập nhanh vào nhóm, phân công công việc, phối hợp hiệu quả giữa các thành viên, hỗ trợ các thành viên khác, trao đổi giữa các thành viên; năng lực sử dụng ngoại ngữ, tin học trong thời kỳ công nghiệp 4.0.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Làm việc tại các cơ quan, ban, ngành của hệ thống chính trị; các tổ chức xã hội, nghề nghiệp; Tổ chức kinh tế, doanh nghiệp; Tổ chức phi chính phủ... liên quan đến quản lý hành chính, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, quản lý nhân sự, quản lý dịch vụ...

- Làm việc trong hệ thống các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương.

- Làm việc tại các cơ quan tham mưu hoạch định chiến lược, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Làm tư vấn viên, nghiên cứu viên về chuyên môn, nghiệp vụ Quản lý Nhà nước;

- Làm chuyên viên, giảng dạy tại các Viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo lĩnh vực Quản lý Nhà nước.

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.

- Học thêm bằng đại học thứ 2 những ngành có cùng các môn xét tuyển như: Luật, Chính trị học, Báo chí, Công tác xã hội, Du lịch...

- Học sau đại học trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CDR của chương trình đào tạo Đại học ngành Quản lý Nhà nước, gồm:

1. Chương trình đào tạo

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Quản lý Nhà nước Trường Đại học Nội vụ.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Quản lý Nhà nước Trường Đại học Vinh.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Quản lý Nhà nước Trường Đại học Quy Nhơn.

2. Tài liệu tham khảo

- *Công văn số 2196/BGDĐT- GDDH* ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT* ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

- *Quyết định số 1982/QĐ-TTg* ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14* ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- *Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTD* ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa./.

15. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 608/QĐ-ĐVTDT ngày 05 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành đào tạo:** Quản lý Văn hóa (Cultural Management)

2. **Mã ngành:** 7229042

3. **Chứng nhận kiểm định:** chưa kiểm định chất lượng

4. **Trình độ đào tạo:** Đại học

5. **Loại hình đào tạo:** Chính quy

6. **Điều kiện tuyển sinh:**

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

- *Phạm vi tuyển sinh:* cả nước

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo; Đề án tuyển sinh của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. **Điều kiện tốt nghiệp:**

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp (đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp).

8. **Văn bằng tốt nghiệp:** Cử nhân Quản lý văn hóa

9. **Đơn vị cấp bằng:** Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Mục tiêu tổng quát:**

Đào tạo cử nhân ngành Quản lý văn hóa có kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; kiến thức về công nghệ thông tin và ngoại ngữ; kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu và kiến thức thực tế vững chắc về ngành Quản lý văn hóa; có kỹ năng

phản biện, phân tích, tổng hợp, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn; có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Mục tiêu cụ thể:

- PO1: *Áp dụng* được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội nhân văn, khoa học quản lý và lý thuyết ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản lý văn hóa.

- PO2: *Thể hiện* được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp trong các hoạt động quản lý văn hóa.

- PO3: *Hình thành* được năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp.

- PO4: *Hình thành* được năng lực xây dựng ý tưởng, thiết kế, tổ chức triển khai thực hiện, kiểm soát, đánh giá và phát triển chương trình quản lý văn hóa đáp ứng nhu cầu của xã hội.

III. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

1. Kiến thức

- PLO1.1. *Hiểu và vận dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn, chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và thực tiễn công việc lĩnh vực quản lý văn hóa.

- PLO1.2. *Hiểu và vận dụng* được kiến thức chuyên sâu về nền tảng văn hóa Việt Nam, khoa học quản lý trong lĩnh vực quản lý văn hóa.

- PLO1.3. *Hiểu và áp dụng* được lý thuyết quản lý, quản lý văn hóa trong các lĩnh vực nghề nghiệp.

2. Kỹ năng

- PLO2.1. *Kỹ năng* nghiên cứu, phân tích và triển khai các văn bản quy phạm pháp luật trong quản lý nhà nước về văn hoá.

- PLO2.2. *Kỹ năng* tổ chức và điều hành các hoạt động nghiệp vụ trong lĩnh vực quản lý văn hóa.

- PLO2.3. *Kỹ năng* tham mưu cho các cấp lãnh đạo thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; kỹ năng phối hợp với các cơ quan, đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội khác trong thực hiện các nhiệm vụ văn hoá và quản lý văn hoá.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học

- PLO3.1. *Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm* theo yêu cầu của nhiệm vụ quản lý văn hóa và cải tiến các phương pháp quản lý, tự chịu trách nhiệm với cá nhân, nhóm và sản phẩm do mình tạo ra.

- PLO3.2. *Khả năng tổ chức, hướng dẫn, giám sát và tương tác* trong hoạt động văn hóa của cơ quan, doanh nghiệp, tập thể và cộng đồng.

- PLO3.3. *Khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý* các nguồn lực về cơ sở vật chất, con người, khả năng đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động quản lý văn hóa trong phạm vi hoạt động chuyên môn.

4. Năng lực

- PLO4.1. *Năng lực phản biện* các kiến thức và phương pháp quản lý văn hóa, hình thành các giải pháp thay thế phù hợp.

- PLO4.2. *Năng lực nghiên cứu, quan sát, tìm hiểu* và đánh giá thực trạng quản lý văn hóa để làm cơ sở đề xuất các giải pháp triển khai.

- PLO4.3. *Năng lực đánh giá* công việc của bản thân, đồng nghiệp và điều chỉnh kế hoạch làm việc phù hợp với thực tiễn.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Làm nhân viên tại các tổ chức, doanh nghiệp văn hóa nghệ thuật thuộc khu vực nhà nước, tư nhân hay các tổ chức, doanh nghiệp văn hoá nghệ thuật có yếu tố nước ngoài.

- Làm chuyên viên/cán bộ tại các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa; các đơn vị sự nghiệp văn hóa; các tổ chức chính trị - xã hội từ trung ương đến địa phương.

- Làm nhân viên, cán bộ quản lý tại các công ty tổ chức sự kiện, công ty truyền thông du lịch, các điểm vui chơi, giải trí, bộ phận marketing, gây quỹ và tìm tài trợ, quan hệ công chúng, quản lý nhân sự, quản lý dự án của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Có thể làm việc độc lập cho các chương trình, sự kiện hay dự án văn hóa nghệ thuật...

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Tự học tập, nghiên cứu khoa học theo chuyên ngành đào tạo.

- Học thêm ngành đại học thứ 2 những ngành có cùng các môn xét tuyển như: Quản lý Nhà nước, Luật, Chính trị học, Báo chí, Công tác xã hội, Du lịch...

- Học sau đại học ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CDR của chương trình đào tạo Đại học ngành Quản lý Văn hóa, gồm:

1. Chương trình đào tạo

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Quản lý văn hóa Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Quản lý văn hóa Trường Đại học Văn hóa TP Hồ Chí Minh.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Quản lý văn hóa Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

2. Tài liệu tham khảo

- *Công văn số 2196/BGDĐT- GDDH* ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT* ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

- *Quyết định số 1982/QĐ-TTg* ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14* ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- *Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTD* ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa./.

16. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 608/QĐ-ĐVTDT ngày 05 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành đào tạo:** Công tác xã hội (Social work)

2. **Mã ngành:** 7760101

3. **Chứng nhận kiểm định:** chưa kiểm định chất lượng

4. **Trình độ đào tạo:** Đại học

5. **Loại hình đào tạo:** Chính quy

6. **Điều kiện tuyển sinh:**

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

- *Phạm vi tuyển sinh:* cả nước

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo; Đề án tuyển sinh của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. **Điều kiện tốt nghiệp:**

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp (đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp).

8. **Văn bằng tốt nghiệp:** Cử nhân Công tác xã hội

9. **Đơn vị cấp bằng:** Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Mục tiêu tổng quát:**

Đào tạo cử nhân Công tác xã hội có kiến thức chuyên sâu về các vấn đề xã hội, có các kỹ năng can thiệp, giải quyết các vấn đề ở cấp độ cá nhân, nhóm. Có đầy đủ phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, nắm vững kiến thức và kỹ năng thực hành

trong các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp và tổ chức xã hội góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, công bằng, dân chủ và hội nhập.

2. Mục tiêu cụ thể:

- PO1: *Áp dụng* được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội nhân văn, hình thành phương pháp tư duy khoa học; vận dụng kiến thức chuyên ngành công tác xã hội vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

- PO2: *Thể hiện* được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp trong các hoạt động công tác xã hội.

- PO3: *Hình thành* được năng lực xây dựng ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá và phát triển chương trình công tác xã hội đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- PO4: *Hình thành* năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp.

III. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

1. Kiến thức

- PLO1.1. *Áp dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn, chính trị và pháp luật trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và thực tiễn xã hội đặt ra.

- PLO1.2. *Áp dụng* được hệ thống tri thức về công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, thực hành phát triển cộng đồng, tham vấn và thực hành tham vấn trong hoạt động hỗ trợ đối tượng yếu thế trong xã hội, giúp thân chủ tự giải quyết những vấn đề khó khăn trong cuộc sống.

- PLO1.3. *Áp dụng* kiến thức ngành vào việc lựa chọn, phát triển, ứng dụng, tích hợp trong việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm đối với từng đối tượng đặc thù cần hỗ trợ, tham vấn, trị liệu trong xã hội.

- PLO1.4. *Vận dụng* phương pháp luận nghiên cứu khoa học cũng như các phương pháp nghiên cứu công tác xã hội cụ thể để giải quyết các vấn đề xã hội.

- PLO1.5. *Am hiểu* các vấn đề xã hội trong bối cảnh phát triển của Việt Nam và thế giới; có kiến thức về chính sách xã hội và phân tích được sự tác động của nó thông qua hệ thống các dịch vụ xã hội nhằm giúp giải quyết các vấn đề xã hội.

2. Kỹ năng

- PLO2.1. *Thể hiện* đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và có kỹ năng giao tiếp ứng xử, tác phong nghề nghiệp mẫu mực trong các nhiệm vụ chuyên môn.

- PLO2.2. *Kỹ năng tổ chức thực hiện* hiệu quả các nhiệm vụ thực hành nghề nghiệp công tác xã hội với cá nhân, nhóm, cộng đồng thuộc các lĩnh vực khác nhau của ngành công tác xã hội. Sử dụng các kỹ năng công tác xã hội cá nhân, nhóm vào việc cung cấp các dịch vụ công tác xã hội trực tiếp cho các cá nhân, gia đình và nhóm giúp họ tự giải quyết vấn đề;

- PLO2.3. *Vận dụng tốt* các kỹ năng tham gia vào thực hiện các chương trình phát triển cộng đồng; kỹ năng vận động chính sách xã hội và hỗ trợ hướng dẫn nghề nghiệp.

- PLO2.4. *Có khả năng áp dụng* các kỹ năng tư duy khoa học và tư duy phản biện trong bối cảnh thực hành và nghiên cứu công tác xã hội chuyên nghiệp; có kỹ năng tổ chức, lãnh đạo và làm việc trong nhóm chuyên môn cũng như trong nhóm đa ngành.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học

- PLO3.1. *Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm* theo yêu cầu của nhiệm vụ đặc thù của từng đối tượng. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các

môi trường làm việc khác nhau như trường học, bệnh viện, doanh nghiệp nhằm hỗ trợ những nhóm người yếu thế, nhóm nguy cơ, nhóm dễ bị thương tổn.

- PLO3.2. *Khả năng tổ chức, hướng dẫn, giám sát và tương tác* trong hoạt động nhóm của tổ chuyên môn và hoạt động nhóm theo từng đối tượng.

- PLO3.3. *Khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý* các nguồn lực về cơ sở vật chất, con người, khả năng đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm trong phạm vi hoạt động chuyên môn của mình. Tự chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả công việc theo kế hoạch đã lập ra.

4. Năng lực

- PLO4.1. *Năng lực* sử dụng được các kỹ năng công tác xã hội cá nhân, nhóm vào việc cung cấp các dịch vụ trợ giúp các cá nhân, gia đình và nhóm để giúp họ tăng cường năng lực tự giải quyết vấn đề và đáp ứng nhu cầu của mình.

- PLO4.2. *Năng lực nghiên cứu, quan sát, tìm hiểu và đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực chuyên môn.*

- PLO4.3. *Năng lực* phân tích, tổng hợp, đánh giá, phát hiện được các vấn đề trong cộng đồng, huy động nguồn lực phát triển cộng đồng, tham gia quản lý và thực hiện các dự án phát triển cộng đồng.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Làm việc tại các cơ quan của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội. Cán bộ phụ trách công tác xã hội ở xã, phường, huyện, thị, tỉnh, thành phố.

- Làm việc tại các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội cho các loại đối tượng xã hội khác nhau thuộc các lĩnh vực như: y tế, giáo dục, pháp luật, truyền thông, văn hóa, phúc lợi xã hội...

- Làm việc trong các tổ chức phi chính phủ, các dự án phát triển xã hội của các tổ chức trong và ngoài nước.

- Làm việc độc lập với vai trò là nhà cán sự xã hội để trợ giúp cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.

- Có thể học thêm ngành đại học thứ 2 những ngành có cùng các môn xét tuyển như: Luật, Chính trị học, Báo chí, Triết học, Du lịch...

- Có thể học sau đại học trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CDR của chương trình đào tạo Đại học ngành Công tác xã hội, gồm:

1. Chương trình đào tạo

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Công tác xã hội Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Công tác xã hội Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Công tác xã hội Học Viện Báo chí và Tuyên truyền Hà Nội.

2. Tài liệu tham khảo

- *Công văn số 2196/BGDĐT- GDDH* ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT* ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

- *Quyết định số 1982/QĐ-TTg* ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14* ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- *Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTD* ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. /.

17. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG NGHỆ TRUYỀN THÔNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 608/QĐ-ĐVTDT ngày 05 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Ngành đào tạo: Công nghệ truyền thông (Communication Technology)

2. Mã ngành: 7320106

3. Chứng nhận kiểm định: chưa kiểm định chất lượng

4. Trình độ đào tạo: Đại học

5. Loại hình đào tạo: Chính quy

6. Điều kiện tuyển sinh:

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

- *Phạm vi tuyển sinh:* cả nước

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo; Đề án tuyển sinh của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp (đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp).

8. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Công nghệ truyền thông

9. Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu tổng quát:

Đào tạo cử nhân Công nghệ truyền thông có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu; có kỹ năng tư duy sáng tạo để giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động công nghệ truyền thông; có trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi

trường làm việc đa văn hóa; có khả năng tự học để thích ứng với sự phát triển kinh tế xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng góp phần đưa công nghệ truyền thông đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể:

- PO1: *Hiểu và vận dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn; về pháp luật Việt Nam, về quốc phòng an ninh; kiến thức cơ bản và chuyên sâu của ngành Công nghệ truyền thông để giải quyết các vấn đề chuyên môn tại các đơn vị, tổ chức.

- PO2: *Áp dụng* được kiến thức nền tảng về quy trình sản xuất và các kỹ năng quản trị sản xuất các sản phẩm truyền thông; có năng lực sản xuất; kinh doanh và có khả năng tư duy độc lập trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm truyền thông.

- PO3: *Hình thành năng lực* sử dụng ngoại ngữ, tin học, làm việc nhóm; khả năng thích ứng trong điều kiện làm việc thay đổi; phương pháp nghiên cứu khoa học trong công việc chuyên môn và nghiên cứu.

- PO4: *Hình thành được năng lực tự chủ và trách nhiệm* trong hoạt động nghề nghiệp. Hình thành năng lực phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp trong các hoạt động truyền thông, có khả năng làm việc độc lập tại các tổ chức, các doanh nghiệp trong và ngoài nước, trong một môi trường kinh doanh cạnh tranh và bối cảnh hội nhập khu vực và toàn cầu, xây dựng ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá và phát triển chương trình truyền hình, phim, quảng cáo...

III. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

1. Kiến thức

- PLO1.1: *Áp dụng* được kiến thức khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhân văn để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực Công nghệ truyền thông.

- PLO1.2: *Áp dụng* được hệ thống tri thức, những kiến thức liên ngành về các vấn đề xã hội, văn hóa, khoa học, luật pháp và các khoa học liên quan ứng dụng trong công nghệ truyền thông.

- PLO1.3: *Áp dụng* được kiến thức ngành vào việc phát triển, ứng dụng, tích hợp trong việc xác định nội dung, phương pháp tổ chức, đánh giá hoạt động truyền thông.

2. Kỹ năng

- PLO2.1: *Thể hiện* đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, có kỹ năng giao tiếp ứng xử và năng lực chuyên môn trong các hoạt động nghiệp vụ.

- PLO2.2: *Kỹ năng tổ chức thực hiện* hiệu quả các nhiệm vụ truyền thông và thực hiện các sản phẩm Công nghệ truyền thông; có khả năng độc lập sáng tạo và tư duy khoa học; biết kết hợp làm việc giữa cá nhân và tập thể trong quy trình sản xuất những sản phẩm truyền hình số đa phương tiện.

- PLO2.3: *Vận dụng tốt* các kỹ thuật về công nghệ thông tin, truyền thông và ngoại ngữ để giải quyết tốt các vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực công nghệ truyền thông. Có khả năng vận dụng kiến thức để nêu, trình bày, triển khai và thực thi các ý tưởng liên quan đến lĩnh vực chuyên môn.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học

- PLO3.1: *Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm* theo yêu cầu của nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ, phát hiện và giải quyết một số các vấn đề về mặt kỹ thuật liên quan đến công nghệ truyền thông, tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm và đối với sản phẩm do mình tạo ra.

- PLO3.2: *Khả năng tổ chức, hướng dẫn, giám sát và tương tác* trong hoạt động lập kế hoạch điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ ngành công nghệ truyền thông đã được đào tạo. Có ý thức trách nhiệm và tự chủ với công việc được giao.

- PLO3.3: *Khả năng tự định hướng, lập kế hoạch, thích nghi* với các môi trường, hoàn cảnh làm việc với hoạt động nghề nghiệp của ngành, chuyên ngành. Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ với định hướng nghề nghiệp. Tự chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả công việc theo kế hoạch đã lập ra.

4. Năng lực

- PLO4.1: *Năng lực phản biện* kiến thức cũ, lạc hậu; hình thành các giải pháp thay thế trong điều kiện đổi mới. Có kỹ năng, kỹ thuật sáng tạo và thực hiện các sản phẩm Công nghệ truyền thông; có khả năng độc lập sáng tạo và tư duy khoa học.

- PLO4.2: *Năng lực nghiên cứu, quan sát* tìm kiếm kiến thức mới, ứng dụng các kỹ thuật, công cụ mới và thành thạo các kỹ năng để giải quyết những vấn đề chuyên môn của ngành vào thực tiễn. Có khả năng thu thập, phân tích và tổng hợp các yêu cầu từ đối tượng sử dụng, từ đó triển khai các ứng dụng, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đặt ra trong điều kiện thực tế hoạt động công nghệ truyền thông.

- PLO4.3: *Năng lực đánh giá* được hiệu quả công việc của bản thân, đồng nghiệp và điều chỉnh kế hoạch làm việc phù hợp với thực tiễn.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Làm việc tại các cơ quan truyền hình, phát thanh, hãng phim, công ty truyền thông, công ty quảng cáo, báo chí... hay mở các doanh nghiệp truyền thông.

- Làm cán bộ nghiên cứu, phát triển các chương trình hoặc ứng dụng truyền thông (chương trình truyền hình, quảng cáo, game, web, ứng dụng di động).

- Làm chuyên viên kinh doanh tài trợ, kinh doanh quảng cáo, thời lượng phát sóng, bản quyền phim, chương trình, kênh.

- Làm chuyên viên Marketing cho phim ảnh, chương trình, biên tập viên, phóng viên tại các tòa soạn, nhà xuất bản, kênh truyền hình... chuyên viên thiết kế website, chuyên viên quản lý trang thông tin điện tử cho doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp hành chính.

- Làm cán bộ nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo về lĩnh vực Công nghệ truyền thông.

- Làm quản lý, biên tập, xây dựng các nội dung báo chí, ấn phẩm, bìa sách (tại các cơ quan báo chí, báo điện tử, nhà xuất bản); biên tập, xây dựng các chương trình truyền hình, phim điện ảnh, xử lý âm thanh, hình ảnh trước khi phát sóng, thiết kế các nội dung truyền hình, hay làm các kỹ xảo điện ảnh (tại các công ty truyền hình, hãng sản xuất phim).

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.

- Học thêm ngành đại học thứ 2 những ngành có cùng các môn xét tuyển như: Công nghệ thông tin, Truyền thông đa phương tiện, quan hệ công chúng...

- Học sau đại học trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CDR của chương trình đào tạo Đại học ngành Công nghệ truyền thông, gồm:

1. Chương trình đào tạo

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Công nghệ đa phương tiện Trường Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành công nghệ truyền thông Trường Đại học Thái Nguyên.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành truyền thông đa phương tiện Trường Đại Phương Đông.

2. Tài liệu tham khảo

- *Công văn số 2196/BGDĐT- GDDH* ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT* ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

- *Quyết định số 1982/QĐ-TTg* ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14* ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- *Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTD* ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. /.

18. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH THÔNG TIN - THƯ VIỆN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 608/QĐ-ĐVTDT ngày 05 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Ngành đào tạo: Thông tin - Thư viện (Library and Information Science)

2. Mã ngành: 7320201

3. Chứng nhận kiểm định: chưa kiểm định chất lượng

4. Trình độ đào tạo: Đại học

5. Loại hình đào tạo: Chính quy

6. Điều kiện tuyển sinh:

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

- *Phạm vi tuyển sinh:* cả nước

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đề án tuyển sinh của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp (đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp).

8. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Thông tin - Thư viện

9. Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu tổng quát:

Đào tạo cử nhân Thông tin - Thư viện có kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu và kiến thức thực tế về ngành Thông tin - Thư viện và các chuyên ngành sâu như: Thư viện – Thiết bị trường học, Công nghệ Thông tin ứng dụng, Văn thư lưu trữ; kiến thức về công nghệ thông tin và ngoại ngữ; có kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Mục tiêu cụ thể:

- PO1: *Áp dụng* được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực thông tin - thư viện, thiết bị trường học, văn thư lưu trữ, công nghệ thông tin ứng dụng.

- PO2: *Thể hiện* được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp trong các hoạt động thông tin - thư viện, thiết bị trường học, văn thư lưu trữ, công nghệ thông tin ứng dụng;

- PO3: *Hình thành năng lực* sử dụng ngoại ngữ, tin học, làm việc nhóm; khả năng thích ứng trong điều kiện làm việc thay đổi; phương pháp nghiên cứu khoa học trong công việc chuyên môn và nghiên cứu;

- PO4: *Hình thành* được năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp.

III. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

1. Kiến thức

1.1. Chuyên ngành Thư viện – Thiết bị trường học

- PLO1.1.1. *Hiểu và vận dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn, chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và thực tiễn công việc lĩnh vực Thư viện – Thiết bị trường học.

- PLO1.1.2. *Hiểu và vận dụng* được kiến thức về hoạt động nghiệp vụ thư viện; nhận biết, quản lý, sử dụng và bảo quản các thiết bị trường học vào các hoạt động chuyên môn của lĩnh vực Thư viện - Thiết bị trường học.

- PLO1.1.3. *Hiểu và vận dụng* được kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Thư viện - Thiết bị trường học: quản trị, vận hành và đánh giá được các hệ thống công nghệ thông tin, thư viện, thiết bị dạy học các môn học tại trường học.

1.2. Chuyên ngành Văn thư - Lưu trữ

- PLO1.2.1. *Hiểu và vận dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn, chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và thực tiễn công việc lĩnh vực Văn thư - Lưu trữ.

- PLO1.2.2. *Hiểu và vận dụng* được kiến thức và nghiệp vụ văn thư lưu trữ, quản trị văn phòng vào các hoạt động chuyên môn của lĩnh vực Văn thư - Lưu trữ.

- PLO1.2.3. *Hiểu và vận dụng* được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, kiến thức về công tác văn thư, lưu trữ và đảm bảo an toàn thông tin.

1.3. Chuyên ngành Công nghệ thông tin ứng dụng

- PLO1.3.1. *Hiểu và vận dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội nhân văn, chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và thực tiễn công việc lĩnh vực Công nghệ thông tin ứng dụng.

- PLO1.3.2. *Hiểu* được kiến thức công nghệ thông tin về các lĩnh vực: phần cứng, phần mềm, mạng máy tính, tin học để ứng dụng vào các hoạt động chuyên môn.

PLO1.3.3. *Hiểu và vận dụng* được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về công nghệ thông tin ứng dụng.

2. Kỹ năng

2.1. Chuyên ngành Thư viện - Thiết bị trường học

- PLO2.1.1. *Thể hiện* đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và có kỹ năng giao tiếp ứng xử, tác phong mẫu mực trong khi thực hiện công việc chuyên môn.

- PLO2.1.2. *Kỹ năng* nhận biết, sử dụng, bảo quản các thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị dạy học, thí nghiệm và phương pháp xử lý thông tin, tổ chức các hoạt động thư viện.

- PLO2.1.3. *Kỹ năng* ứng dụng thành thạo các phần mềm công nghệ thông tin để triển khai các khâu nghiệp vụ Thư viện - thiết bị trường học.

2.2. Chuyên ngành Văn thư - Lưu trữ

- PLO2.2.1. *Kỹ năng* thực hiện các quy trình nghiệp vụ quản lý văn bản, tài liệu. Sử dụng các trang thiết bị hiện đại và phần mềm công nghệ thông tin trong công tác văn thư - lưu trữ.

- PLO2.2.2. *Kỹ năng* thu thập, bổ sung, phân loại, xử lý, tổ chức, bảo quản và khai thác tài liệu lưu trữ.

- PLO2.2.3. *Kỹ năng* công tác văn thư trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục.

2.3. Chuyên ngành công nghệ thông tin ứng dụng

- PLO2.3.1. *Kỹ năng* sửa chữa máy tính, sửa chữa hệ thống mạng, quản trị máy chủ và các thiết bị về công nghệ thông tin.

- PLO2.3.2. *Kỹ năng* ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực khác nhau như: Thư viện, du lịch, giáo dục, doanh nghiệp...

- PLO2.3.3. *Kỹ năng* lập trình căn bản, thiết kế web, đồ họa, an toàn bảo mật thông tin.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học

- PLO3.1. *Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm* theo yêu cầu của nhiệm vụ thông tin thư viện, thư viện thiết bị trường học, văn thư lưu trữ, ứng dụng công nghệ thông tin theo nhu cầu cải tiến các phương pháp quản lý, cách thức làm việc, tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm và đối với sản phẩm do mình tạo ra.

- PLO3.2. *Khả năng tổ chức, hướng dẫn, giám sát và tương tác* trong hoạt động lập kế hoạch điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ ngành Thông tin – Thư viện đã được đào tạo. Có ý thức trách nhiệm và tự chủ với công việc được giao.

- PLO3.3. *Khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý* các nguồn lực về cơ sở vật chất, con người, khả năng đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động về thư viện, thiết bị trường học, văn thư lưu trữ, ứng dụng công nghệ thông tin. Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ với định hướng nghề nghiệp. Tự chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả công việc theo kế hoạch đã lập ra.

4. Năng lực

- PLO4.1. *Năng lực phân biệt* tri thức và phương pháp giáo dục cũ, lạc hậu; hình thành các giải pháp thay thế trong điều kiện đổi mới.

- PLO4.2. *Năng lực nghiên cứu, quan sát, tìm hiểu và đánh giá* thực trạng thông tin thư viện, thiết bị trường học, văn thư lưu trữ, ứng dụng công nghệ thông tin để làm cơ sở đề xuất các phương pháp triển khai phù hợp, hiệu quả.

- PLO4.3. *Năng lực đánh giá* hiệu quả công việc của bản thân, đồng nghiệp và điều chỉnh kế hoạch làm việc phù hợp với thực tiễn.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

1. Chuyên ngành Thư viện – Thiết bị trường học

- Làm cán bộ thư viện – thiết bị trường học tại các trường, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, công ty, doanh nghiệp.

- Làm chuyên viên tại các Sở Giáo dục - Đào tạo; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trung tâm Văn hóa - Thông tin.

- Làm cán bộ tại các trung tâm thông tin – thư viện, các viện nghiên cứu, viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, các công ty phát hành sách và thiết bị trường học.

2. Chuyên ngành Văn thư lưu trữ:

- Làm việc tại văn phòng hoặc Phòng hành chính của tất cả các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức; các Trung tâm lưu trữ Quốc gia; lưu trữ của ngành và cơ quan lưu trữ.

- Làm giáo viên tại các cơ sở đào tạo về văn thư, lưu trữ và quản trị văn phòng bậc trung cấp, cao đẳng.

3. Ngành Công nghệ thông tin ứng dụng

- Làm việc ở bộ phận CNTT của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp.

- Làm việc trong các công ty, doanh nghiệp tư vấn về đề xuất giải pháp, xây dựng và bảo trì các hệ thống thông tin, hệ thống mạng và truyền thông.

- Làm giáo viên tại các trường phổ thông và các cơ sở đào tạo.

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.

- Học thêm ngành đại học thứ 2 những ngành có cùng các môn xét tuyển như: Truyền thông đa phương tiện, Quan hệ công chúng...

- Học nâng cao sau đại học trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CDR của chương trình đào tạo Đại học ngành Thông tin thư viện, gồm:

1. Chương trình đào tạo

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Thông tin thư viện Trường Đại học Thái Nguyên.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Lưu trữ học Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Thông tin thư viện Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tài liệu tham khảo

- *Công văn số 2196/BGDĐT- GDDH* ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT* ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

- *Quyết định số 1982/QĐ-TTg* ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14* ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- *Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTDT* ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa./.

19. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH SƯ PHẠM TIN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 608 /QĐ-ĐVTDT ngày 05 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành đào tạo:** Sư phạm tin học (Informatics Teacher Education)

2. **Mã ngành:** 7140210

3. **Chứng nhận kiểm định:** chưa kiểm định chất lượng

4. **Trình độ đào tạo:** Đại học

5. **Loại hình đào tạo:** Chính quy

6. **Điều kiện tuyển sinh:**

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

- *Phạm vi tuyển sinh:* cả nước

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo đề án của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. **Điều kiện tốt nghiệp:**

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh B1 châu Âu và tương đương; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp.

8. **Văn bằng tốt nghiệp:** Cử nhân Sư phạm Tin học

9. **Đơn vị cấp bằng:** Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Mục tiêu tổng quát:**

Đào tạo giáo viên giảng dạy môn Tin học đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục phổ thông và xã hội. Đó là những người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có lối sống và tác phong của nhà giáo; Có năng lực giao tiếp, tìm hiểu người học và môi trường giáo dục để dạy học và giáo dục phù hợp; Tổ chức tốt quá trình giáo dục hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học đáp ứng yêu cầu dạy học bộ môn; có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu; có kỹ năng tư duy sáng tạo để giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động dạy học tin học; có trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc đa văn hóa; có khả năng tự học để thích ứng với sự phát triển kinh tế xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể:

- PO1: *Hiểu và vận dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học quản lý; khoa học xã hội nhân văn; về pháp luật Việt Nam, về quốc phòng an ninh; kiến thức nghiệp vụ sư phạm; kiến thức cơ bản và chuyên sâu của ngành sư phạm tin học để giải quyết các vấn đề trong nghiệp vụ tại các đơn vị, tổ chức;

- PO2: *Áp dụng* được kiến thức nền tảng về nghiệp vụ sư phạm; về công nghệ thông tin để phục vụ trong công tác đào tạo.

- PO3: *Hình thành năng lực* sử dụng ngoại ngữ, tin học, làm việc nhóm; khả năng thích ứng trong điều kiện làm việc thay đổi; phương pháp nghiên cứu khoa học trong công việc chuyên môn và nghiên cứu;

- PO4: *Hình thành năng lực* phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp trong các hoạt động giảng dạy, có khả năng làm việc độc lập hoặc tại các tổ chức, các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước. Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành năng lực tư duy sáng tạo, xây dựng ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá và phát triển chương trình giảng dạy tin học ở các cơ sở đào tạo.

III. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

1. Kiến thức:

- PLO1.1: *Áp dụng* được kiến thức khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhân văn, kiến thức nghiệp vụ sư phạm, để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực giảng dạy tin học ở các cơ sở đào tạo; có khả năng học tập ở trình độ trên đại học.

- PLO1.2: *Áp dụng* được hệ thống tri thức, những kiến thức liên ngành về các vấn đề xã hội, văn hóa, khoa học, luật pháp và các khoa học liên quan lĩnh vực Công nghệ thông tin và phương pháp giảng dạy chuyên ngành để có thể giảng dạy tốt môn Tin học và chủ đề tích hợp với Tin học ở các cơ sở đào tạo.

- PLO1.3: *Áp dụng* được kiến thức ngành vào việc phát triển, ứng dụng, phương pháp tổ chức, đánh giá hoạt động, tham gia các đề án, các khóa bồi dưỡng về công nghệ thông tin cho giáo viên ở các cơ sở đào tạo.

2. Kỹ năng:

- PLO2.1: *Thể hiện* đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, có kỹ năng giao tiếp ứng xử và năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm trong các hoạt động giảng dạy, nghiệp vụ.

- PLO2.2. *Kỹ năng tổ chức thực hiện* hiệu quả các bài giảng về Công nghệ thông tin; có khả năng độc lập sáng tạo và tư duy khoa học; biết kết hợp làm việc giữa cá nhân và tập thể trong công tác giảng dạy.

- PLO2.3: *Vận dụng tốt* các kỹ thuật về công nghệ thông tin và ngoại ngữ, đặc biệt là các phần mềm dạy học; xây dựng các chủ đề tích hợp ứng dụng công nghệ thông tin với các lĩnh vực khác để giảng dạy ở các cơ sở đào tạo.

3. Năng lực:

- PLO3.1: *Năng lực phản biện* kiến thức cũ, lạc hậu; hình thành các giải pháp thay thế trong điều kiện đổi mới. Có kỹ năng, kỹ thuật sáng tạo và thực hiện các sản phẩm Công nghệ thông tin; có khả năng độc lập sáng tạo và tư duy khoa học.

- PLO3.2: *Năng lực nghiên cứu, quan sát* tìm kiếm kiến thức mới, ứng dụng các kỹ thuật, công cụ mới và thành thạo các kỹ năng để giải quyết những vấn đề chuyên môn của ngành vào thực tiễn. Có khả năng thu thập, phân tích và tổng hợp các yêu cầu từ đối tượng sử dụng, từ đó triển khai các ứng dụng, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đặt ra trong điều kiện thực tế hoạt động Công nghệ thông tin.

- PLO3.3: *Năng lực đánh giá* được hiệu quả công việc của bản thân, đồng nghiệp và điều chỉnh kế hoạch làm việc phù hợp với thực tiễn.

4. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học

- PLO4.1: *Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm* theo yêu cầu của nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ, phát hiện và giải quyết một số các vấn đề về mặt kỹ thuật liên quan đến Công nghệ thông tin, tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm và đối với sản phẩm do mình tạo ra.

- PLO4.2: *Khả năng tổ chức, hướng dẫn, giám sát và tương tác* trong hoạt động lập kế hoạch điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ ngành sư phạm tin học đã được đào tạo. Có ý thức trách nhiệm và tự chủ với công việc được giao.

- PLO4.3: *Khả năng tự định hướng, lập kế hoạch, thích nghi* với các môi trường, hoàn cảnh làm việc với hoạt động nghề nghiệp của ngành, chuyên ngành. Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ với định hướng nghề nghiệp. Tự chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả công việc theo kế hoạch đã lập ra.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Làm giáo viên giảng dạy môn Tin học ở các trường Tiểu học và Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và các cơ sở đào tạo khác.

- Làm việc tại sở giáo dục, phòng giáo dục.

- Có khả năng đảm nhiệm các công việc liên quan đến Tin học, mạng máy tính ở trường học, các cơ sở quản lý giáo dục, cơ quan, đoàn thể, tổ chức trong xã hội...

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.

- Có thể học thêm ngành đại học thứ 2 những ngành có cùng các môn xét tuyển như: Công nghệ thông tin, khoa học máy tính, kỹ thuật máy tính,

- Có thể học sau đại học ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

- Có năng lực để tổ chức các hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng sự phát triển và nhu cầu xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CDR của chương trình đào tạo Đại học ngành Sư phạm tin học, gồm:

1. Chương trình đào tạo

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Sư phạm tin học Trường Đại học Hồng Đức.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Sư phạm tin học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Sư phạm tin học Trường Đại học Tây Bắc.

2. Tài liệu tham khảo

- Công văn số 2196/BGDĐT- GDDH ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

- Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTDT ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa./.

20. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 608 /QĐ-ĐVTDT ngày 05 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành đào tạo:** Giáo dục Tiểu học (Primary Education)

2. **Mã ngành:** 7140202

3. **Chứng nhận kiểm định:** Chưa kiểm định chất lượng

4. **Trình độ đào tạo:** Đại học

5. **Loại hình đào tạo:** Chính quy

6. **Điều kiện tuyển sinh**

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

- *Phạm vi tuyển sinh:* cả nước

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo; Đề án tuyển sinh của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. **Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp (đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp).

8. **Văn bằng tốt nghiệp:** Cử nhân Giáo dục Tiểu học

9. **Đơn vị cấp bằng:** Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Mục tiêu tổng quát:**

Đào tạo giáo viên tiểu học có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa

học và công nghệ đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học; thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ cộng đồng, xây dựng và phát triển đất nước.

2. Mục tiêu cụ thể:

- PO1: Vận dụng kiến thức về lý luận chính trị, giáo dục thể chất, quốc phòng an ninh, ngoại ngữ và công nghệ thông tin cơ bản vào hoạt động nghề nghiệp.

- PO2: Vận dụng lý luận dạy học, tâm lý học, giáo dục học, kiến thức lý thuyết và thực tế về chuyên ngành vào các hoạt động thuộc lĩnh vực về giáo dục ở tiểu học.

- PO3: Hình thành được năng lực sư phạm cần thiết để tổ chức và đánh giá các hoạt động giáo dục.

- PO4: Thực hiện nhiệm vụ thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo, góp phần phục vụ cộng đồng, xây dựng và phát triển đất nước.

III. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

2. Kiến thức

- PLO1.1: *Áp dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn, chính trị và pháp luật trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và thực tiễn giáo dục ở các trường và cơ sở giáo dục tiểu học.

- PLO1.2: Vận dụng các kiến thức về tâm lý học, giáo dục học, khoa học tự nhiên và xã hội để tổ chức dạy học các môn học và giám sát quá trình giáo dục ở tiểu học.

- PLO1.3: *Áp dụng* được kiến thức ngành vào việc lựa chọn, phát triển, ứng dụng, tích hợp trong việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và cách đánh giá các hoạt động dạy học ở trường tiểu học.

2. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng cứng:

- PLO2.1: Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học và có kỹ năng giao tiếp ứng xử, tác phong sư phạm mẫu mực trong các nhiệm vụ chuyên môn.

- PLO2.2. Phân tích được các vấn đề nảy sinh trong quá trình xây dựng và triển khai kế hoạch dạy học để xác định phương án giải quyết phù hợp.

2.2. Kỹ năng mềm:

- PLO2.3: Sử dụng tin học và ngoại ngữ trong các hoạt động chuyên môn thông thường, có kỹ năng giao tiếp sư phạm tốt.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học

- PLO3.1: *Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm* theo yêu cầu của hoạt động dạy học tiểu học và theo nhu cầu đổi mới giáo dục tiểu học, tự chịu trách nhiệm trong công việc.

- PLO3.2: *Khả năng tổ chức, hướng dẫn, giám sát và tương tác* trong hoạt động nhóm của tổ chuyên môn và hoạt động nhóm của học sinh tiểu học.

- PLO3.3: *Khả năng tự định hướng, thích nghi* với các môi trường, hoàn cảnh làm việc, khả năng đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động giáo dục ở trường tiểu học trong phạm vi hoạt động chuyên môn của mình.

4. Năng lực

- PLO4.1: *Năng lực phản biện* kiến thức và phương pháp giáo dục; hình thành các giải pháp thay thế trong điều kiện đổi mới nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng, phát triển chương trình giáo dục ở trường tiểu học.

- PLO4.2: *Năng lực* sư phạm cần thiết để tổ chức và đánh giá các hoạt động giáo dục.

- PLO4.3: *Năng lực đánh giá* được hiệu quả công việc của bản thân, đồng nghiệp và điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với đặc điểm phát triển của học sinh; truyền đạt vấn đề và giải pháp tới đồng nghiệp; phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ giáo dục cụ thể hoặc phức tạp.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Giáo viên dạy Tiểu học, cán bộ quản lý ở trường Tiểu học.

- Tổng phụ trách đội; Chuyên viên, tư vấn viên, nghiên cứu viên tại các cơ sở liên quan đến Giáo dục Tiểu học.

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Có khả năng tự học, nghiên cứu khoa học về Giáo dục Tiểu học và các lĩnh vực khác liên quan đến Giáo dục Tiểu học.

- Tiếp tục học tập ở trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ thuộc các chuyên ngành Giáo dục Tiểu học, Quản lý Giáo dục hoặc các chuyên ngành gần.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CDR của chương trình đào tạo Đại học ngành Giáo dục Tiểu học, gồm:

1. Chương trình đào tạo

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành GDTH Trường Đại học Hồng Đức;

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành GDTH Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành GDTH Trường Đại học Vinh.

2. Tài liệu tham khảo

- *Công văn số 2196/BGDĐT- GDDH* ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT* ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

- *Quyết định số 1982/QĐ-TTg* ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14* ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- *Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTD* ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa./.